

LỜI MỞ ĐẦU

1-Sự cần thiết của đề tài:

Trong nền kinh đang ngày càng phát triển ngày nay, cơ hội kinh doanh là rất lớn đối với các doanh nghiệp. Để quản lý và theo dõi hiệu quả tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải làm tốt công tác hạch toán kế toán.

Kế toán nguyên vật liệu là một trong những phần hành kế toán không thể thiếu với bất kỳ doanh nghiệp nào nhất là đối với các doanh nghiệp sản xuất bởi các lý do sau:

Thứ nhất, nguyên vật liệu là yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, nó quyết định chất lượng sản phẩm đầu ra.

Thứ hai, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá thành sản xuất, vì thế nó mang tính trọng yếu. Mỗi sự biến động về chi phí nguyên vật liệu làm ảnh hưởng đến sự biến động của giá thành sản phẩm. Vì thế sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu là rất quan trọng.

Thứ ba, nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp hết sức đa dạng, nhiều chủng loại do đó yêu cầu phải có điều kiện bảo quản thật tốt và thận trọng. Việc bảo quản tốt sẽ là một trong những yếu tố quan trọng quyết định thành công của công tác quản lý kinh doanh.

Cũng giống như các doanh nghiệp khác, để hòa nhập với nền kinh tế thị trường, Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng luôn chú trọng công tác hạch toán sử dụng nguyên vật liệu cho phù hợp và coi đó như một công cụ quản lý không thể thiếu được để quản lý vật tư nói riêng và quản lý sản xuất nói chung. Việc lập định mức đúng đắn nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất, giảm mức tiêu hao vật liệu, duy trì và bảo quản tốt các loại vật tư là việc làm quan trọng không chỉ đối với các doanh nghiệp sản xuất nói chung mà còn đối với Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng nói riêng.

Với ý nghĩa như vậy của nguyên vật liệu đối với các doanh nghiệp sản xuất, và qua một thời gian thực tập tìm hiểu công tác hạch toán kế toán tại Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng, em đã mạnh dạn chọn đề tài “ ***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng***” làm chuyên đề thực tập của mình.

2-Mục đích nghiên cứu của đề tài:

Sự hỗ trợ của công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp là hết sức cần thiết bởi hạch toán kế toán là công cụ có vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu sẽ hạn chế được những thất thoát lãng phí và là cơ sở để giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong hiện đại và tương lai.

3-Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu cùng với sự nhận thức của bản thân trong quá trình học tập. Em mạnh dạn chọn đề tài: “***Hoàn thiện công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng***”

4-Phương pháp nghiên cứu:

Hạch toán kế toán là khoa học kinh tế, có đối tượng nghiên cứu cụ thể mà ở đây đối tượng nghiên cứu là kế toán nguyên vật liệu. Do vậy phương pháp nghiên cứu trong bài Luận văn áp dụng là phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và phương pháp tìm hiểu thực tế tại Công ty.

5-Kết cấu của khóa luận:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và các phần mục lục, tài liệu tham khảo, khóa luận của em gồm 3 chương:

- ❖ *Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.*
- ❖ *Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng.*
- ❖ *Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng.*

Kết hợp với những kiến thức đã học cùng với sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo-Tiến sĩ Trần Văn Hợi và sự giúp đỡ của cán bộ Ban kế toán của Công ty đã giúp em hoàn thành khóa luận này. Tuy nhiên do thời gian và trình độ có hạn nên khóa luận của em chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1:
LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:

Một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành sản xuất là phải có đối tượng lao động. Nguyên vật liệu là một đối tượng lao động đã được thể hiện dưới dạng vật hóa như sắt, thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, bông trong doanh nghiệp dệt...dưới sự tác động của con người. Nguyên vật liệu chiếm một vị trí hết sức quan trọng bởi nó không chỉ là đối tượng lao động mà còn là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm. Nguyên vật liệu là vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mỗi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, nó chiếm phần lớn chi phí đầu vào, ảnh hưởng đến lợi nhuận, kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy nguyên vật liệu phải được quan tâm đúng mức và sử dụng có hiệu quả.

Nguyên vật liệu được mua từ nhiều nguồn khác nhau, mỗi loại nguyên vật liệu lại có những vai trò, công dụng khác nhau đối với từng sản phẩm, nên việc hạch toán nguyên vật liệu là vấn đề cần được ưu tiên trong các doanh nghiệp.

Hạch toán nguyên vật liệu từ chi tiết đến tổng hợp, từ khâu thu mua, bảo quản đến khâu tiêu thụ là rất cần thiết. Nếu thực hiện tốt việc hạch toán này sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp đứng vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang.
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm sản xuất.

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp mang những đặc điểm sau:

- Tham gia vào một chu kỳ sản xuất.
- Thay đổi hình dáng ban đầu sau quá trình sử dụng.
- Chuyển toàn bộ giá trị vào sản phẩm sản xuất ra.

Thông thường trong cấu tạo của giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn nên việc sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm, đúng mục đích và đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

1.1.3 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu:

1.1.3.1 Yêu cầu quản lý:

Vấn đề sử dụng nguyên vật liệu hợp lý luôn là một vấn đề quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp; vì vậy công tác quản lý nguyên vật liệu nhằm tối thiểu hóa chi phí, nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp mà vẫn đạt được những yêu cầu về chất lượng luôn luôn là vấn đề quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do đó để đảm bảo công tác hạch toán được chính xác đòi hỏi chúng ta phải quản lý tốt và chặt chẽ từ mọi khâu: từ khâu thu mua, bảo quản tới khâu dự trữ và sử dụng.

***Ở khâu thu mua:** đòi hỏi phải quản lý tốt về mặt khối lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, kế hoạch thu mua theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt là giá mua và chi phí mua.

***Ở khâu bảo quản:** việc tổ chức kho tàng bến bãi phải thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt; đảm bảo an toàn chất lượng cho nguyên vật liệu.

***Ở khâu dự trữ:** đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo nguồn cung ứng, sản xuất không bị ngừng trệ.

***Ở khâu sử dụng:** đòi hỏi các nhà quản lý phải sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả trên cơ sở định mức tiêu hao và dự toán chi phí có ý nghĩa trong việc hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Vì vậy trong khâu này cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng nguyên vật liệu.

Tóm lại, quản lý nguyên vật liệu từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý doanh nghiệp luôn được các nhà lãnh đạo quan tâm.

1.1.3.2 Nhiệm vụ của hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:

Trong suốt quá trình luân chuyển, việc giám sát chặt chẽ số lượng vật liệu mua vào, xuất dùng để đảm bảo cho chất lượng sản phẩm theo đúng yêu cầu về kỹ thuật, giá trị đã đề ra đòi hỏi cán bộ kế toán vật liệu phải thực hiện những nhiệm vụ đó, đó là:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập-xuất-tồn kho vật liệu, tình hình luân chuyển vật tư hàng hóa cả về giá trị và hiện vật. Tính toán đúng đắn giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của vật liệu đã thu mua, nhập và xuất kho của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình thu mua vật liệu về các mặt: số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời chủng loại vật liệu và các thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

- Áp dụng đúng đắn các phương pháp và kỹ thuật hạch toán hàng tồn kho, mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép phản ánh, phân loại, tổng hợp số liệu... về tình

hình hiện có và sự biến động tăng giảm trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung cấp số liệu kịp thời để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Tổ chức đánh giá, phân loại vật liệu, kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu, tính toán xác định chính xác số lượng giá trị vật liệu cho các đối tượng sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tham gia kiểm kê đánh giá lại hàng tồn kho theo đúng chế độ nhà nước quy định, lập các báo cáo về vật liệu phục vụ cho công tác quản lý và lãnh đạo, tiến hành phân tích đánh giá vật liệu từng khâu nhằm đưa ra đầy đủ các thông tin cần thiết cho quá trình quản lý.

1.1.4 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu:

Trong mỗi doanh nghiệp, do tính chất đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh nên cần phải sử dụng nhiều nguyên vật liệu khác nhau. Mỗi loại có vai trò, công dụng, tính chất lý, hóa học và có mục đích rất khác nhau đối với quá trình chế tạo sản phẩm. Do vậy để quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán với từng thứ, loại vật liệu phục vụ cho kế toán quản trị cần thiết phải tiến hành phân loại vật liệu. Phân loại vật liệu là việc sắp xếp vật liệu có cùng một tiêu thức nào đó vào một loại. Đối với vật liệu căn cứ vào nội dung kinh tế, vai trò của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh, vào yêu cầu quản lý, vật liệu được chia thành các loại sau:

1.1.4.1 Phân loại nguyên vật liệu:

* **Căn cứ vào vai trò, công dụng của nguyên vật liệu:** Nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên liệu, vật liệu chính là đối tượng cấu thành nên thực thể sản phẩm. Các doanh nghiệp khác nhau thì sử dụng nguyên vật liệu chính không giống nhau, như: sắt thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí; bông trong các nhà máy sợi; gạch, ngói, xi măng trong xây dựng cơ bản; hạt giống, phân bón trong nông nghiệp...

- Nguyên liệu, vật liệu phụ là những loại vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ có thể làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho

các công cụ, dụng cụ hoạt động bình thường như: thuốc nhuộm, thuốc tẩy, dầu nhòn.

- Nhiên liệu là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện máy móc thiết bị hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh như than, củi, xăng dầu, hơi đốt, khí đốt...

- Phụ tùng thay thế là các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị phương tiện vận tải...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm những vật liệu, thiết bị, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào các công trình xây dựng cơ bản.

- Vật liệu khác: Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên, thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định.

Cách phân loại này là cơ sở để xác định định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu; là cơ sở tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

***Căn cứ vào nguồn hình thành:** Nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: Do mua ngoài, nhận góp vốn liên doanh, nhận biếu tặng...

- Nguyên vật liệu tự chế: Do doanh nghiệp tự sản xuất.

Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

***Căn cứ vào mục đích sử dụng:** Nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh:

+ Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.

+ Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:

- + Nhượng bán.
- + Đem vốn góp liên doanh.
- + Đem biếu tặng.

1.1.4.2 Tính giá nguyên vật liệu:

Tính giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của nguyên vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định.

Theo chuẩn mực kế toán 02-Hàng tồn kho thì vật liệu phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng.
- Nguyên tắc nhất quán.
- Sự hình thành trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.

① Tính giá nguyên vật liệu nhập kho:

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

* Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có được hàng tồn kho ở thời điểm hiện tại.

- Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại; chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được loại trừ khỏi chi phí thu mua.

- Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm: Những chi phí liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

* Chi phí không được tính vào hàng tồn kho bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng.

Trên thực tế, nguyên vật liệu của doanh nghiệp được hình thành từ các nguồn khác nhau như: mua ngoài, nhập kho tự sản xuất, nhập do thuê ngoài gia công chế biến, nhập do nhận vốn góp liên doanh, nhập do được cấp do đó mà giá thực tế nhập kho cũng khác nhau:

***Nguyên vật liệu nhập do mua ngoài:**

$$\begin{array}{ccccccc} & & & & \text{Các} & & \text{Chi phí} & & \text{Các khoản} \\ & & & & \text{khoản} & & \text{thu mua} & & \text{giảm giá được} \\ & & & & \text{thuế} & & \text{(chi phí} & & \text{hưởng (chiết} \\ \text{Giá thực} & & & & \text{nhập} & & \text{vận} & & \text{khấu thương} \\ \text{tế nhập} & = & \text{Giá} & & \text{khẩu,} & + & \text{chuyên,} & - & \text{mại, chiết khấu} \\ \text{kho} & & \text{mua} & + & \text{thuế} & & \text{bốc dỡ,} & & \text{thanh toán,} \\ & & \text{ghi} & & \text{khác} & & \text{thuê} & & \text{giảm giá hàng} \\ & & \text{trên} & & \text{(nếu có)} & & \text{kho)} & & \text{bán)} \\ & & \text{hóa} & & & & & & \\ & & \text{đơn} & & & & & & \end{array}$$

Trong đó giá mua ghi trên hóa đơn được xác định như sau:

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là giá mua thực tế không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là tổng giá thanh toán phải trả cho người bán (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào).

***Nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{thực tế} \\ \text{nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật liệu} \\ \text{xuất gia công, chế} \\ \text{biến} \end{array} + \text{Chi phí gia công chế biến}$$

***Nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực} \\ \text{tế nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật} \\ \text{liệu xuất thuê} \\ \text{ngoài gia công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển bốc} \\ \text{dỡ thuê kho} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí phải trả} \\ \text{cho bên nhận} \\ \text{gia công} \end{array}$$

***Nguyên vật liệu nhận góp từ đơn vị khác:**

Giá thực tế nguyên vật liệu nhận góp vốn là giá do hội đồng liên doanh đánh giá và công nhận.

***Nguyên vật liệu nhận viện trợ và tặng thưởng:**

Giá thực tế nguyên vật liệu là giá của hàng hóa cùng loại trên thị trường tương đương do hội đồng giao nhận xác định.

***Đối với phế liệu thu hồi:**

Giá thực tế của phế liệu thu hồi là giá được ước tính có thể sử dụng được hay giá trị thu hồi tối thiểu.

② Tính giá nguyên vật liệu xuất kho:

Do nguyên vật liệu của doanh nghiệp được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, vào những khoảng thời gian khác nhau nên giá thực tế nhập kho cũng khác nhau. Vì vậy khi xuất kho phải tính toán, xác định được giá thực tế xuất kho cho các yêu cầu và đối tượng sử dụng khác nhau.

Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo các phương pháp khác nhau, tuy nhiên khi doanh nghiệp áp dụng phương pháp nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong một niên độ kế toán.

Một số phương pháp tính giá xuất kho chủ yếu:

***Phương pháp giá đích danh**

Theo phương pháp này thì hàng tồn kho thuộc lô hàng nào thì lấy đúng đơn giá nhập thực tế của chính lô hàng đó để tính giá thực tế của hàng xuất kho. Giá trị của những lô hàng còn trong kho được tính theo số lượng thực tế của những lô hàng và đơn giá của chính những lô hàng đó và tổng hợp lại.

Ưu điểm: Công tác tính giá được thực hiện kịp thời, thông qua đó kế toán có thể theo dõi được thời gian bảo quản riêng của từng loại vật liệu.

Nhược điểm: Chi phí lớn cho việc xây dựng kho tàng để bảo quản NVL.

***Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này, giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính dựa trên cơ sở số lượng thực xuất trong kỳ và đơn giá bình quân.

Công thức tính:

$$\text{Giá thực tế xuất kho} = \frac{\text{Số lượng thực tế xuất kho}}{\text{Giá bình quân một đơn vị sản phẩm}} \times \text{Giá bình quân một đơn vị sản phẩm}$$

Trong đó giá bình quân đơn vị được tính theo từng phương pháp sau:

❖ Giá bình quân đơn vị cả kỳ dự trữ (tháng, quý):

$$\text{Giá bình quân đơn vị cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu nhưng số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

Ưu điểm: Giảm nhẹ việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

Nhược điểm: Công việc tính giá NVL vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán, đồng thời phải tính cho từng loại nguyên vật liệu.

❖ Giá bình quân đơn vị cuối kỳ trước (đầu kỳ này):

$$\text{Giá bình quân đơn vị} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu tồn cuối kỳ trước (đầu kỳ này)}}{\text{Số lượng vật liệu tồn cuối kỳ}}$$

trước (đầu kỳ này)

Phương pháp này có:

Ưu điểm: đơn giản, giảm nhẹ khối lượng tính toán.

Nhược điểm: Không chính xác nếu giá cả NVL trên thị trường có sự biến động.

❖ Giá bình quân đơn vị sau mỗi lần nhập:

$$\text{Giá bình quân đơn vị} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu trước và sau đợt nhập}}{\text{Lượng thực tế vật liệu trước và sau đợt nhập}}$$

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu và số lần nhập NVL mỗi loại ít.

Ưu điểm: Theo dõi thường xuyên, kịp thời, chính xác.

Nhược điểm: Khối lượng công việc tính toán nhiều.

***Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO):**

Theo phương pháp này thì lô hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá mua thực tế lần nhập đó để tính trị giá hàng xuất kho, số còn lại tính theo đơn giá của lần nhập tiếp theo. Trị giá tồn kho cuối kỳ được tính theo số lượng hàng tồn kho và đơn giá của những lô hàng nhập sau cùng.

Ưu điểm: Kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời.

Nhược điểm: Hạch toán chi tiết theo từng loại, từng kho mất thời gian công sức, chi phí kinh doanh không phản ánh kịp thời theo giá cả thị trường NVL...

Phương pháp này chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ, chủng loại NVL ít, số lượng nhập, xuất NVL ít, giá cả thị trường ổn định...

***Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):**

Theo phương pháp này thì lô hàng nào nhập sau sẽ được xuất trước. Căn cứ vào số lượng vật liệu tính ra giá trị thực tế xuất kho theo nguyên tắc tính theo đơn giá

của lần nhập sau cùng đối với số lượng xuất kho thuộc lần nhập sau cùng, số còn lại được tính theo đơn giá thực tế của lần nhập trước đó.

Ưu điểm: Tính giá NVL xuất kho kịp thời, chi phí kinh doanh của doanh nghiệp được phản ánh kịp thời theo giá thị trường của Ngân hàng.

Nhược điểm: Phải hạch toán chi tiết theo từng nguyên vật liệu, tồn công.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu về số lượng và giá trị. Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp để góp phần tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

1.2.1 Chứng từ sử dụng:

Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, các chứng từ kế toán về vật liệu bao gồm:

Phiếu nhập kho: Mẫu 01-VT.

Phiếu xuất kho: Mẫu 02-VT.

Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu 03-VT.

Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ: Mẫu 04-VT.

Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu 05-VT.

Bảng kê mua hàng: Mẫu 06-VT.

Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: Mẫu 07-VT.

Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ: Mẫu 03P XK-3LL.

Hóa đơn bán hàng thông thường: Mẫu 02GTGT-3LL.

Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, (sản phẩm, hàng hóa): Mẫu S10-DN.

Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu S11-DN.

Thẻ (Sổ) kho: Mẫu S12-DN.

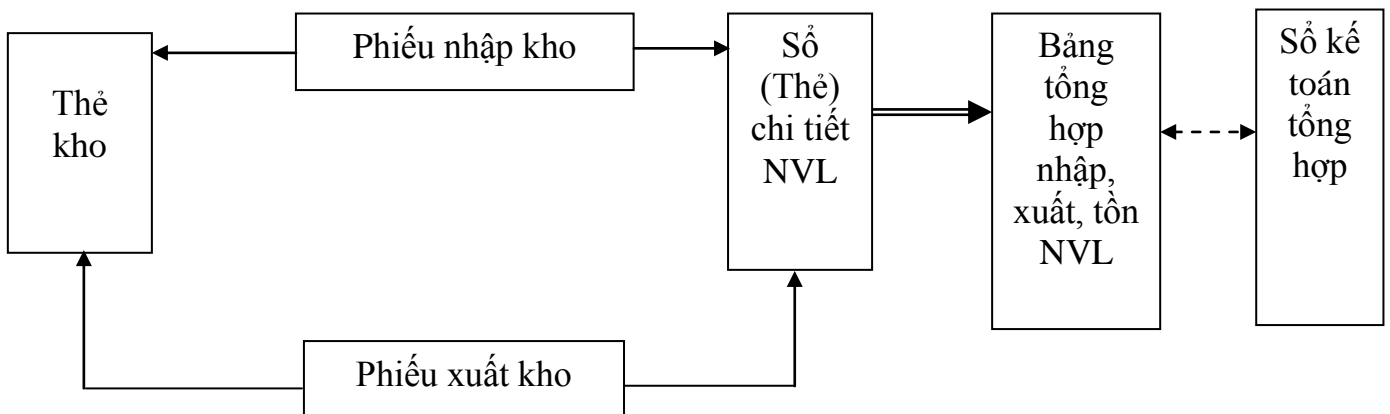
Các chứng từ phải lập kịp thời, đúng mẫu quy định và đầy đủ các yếu tố nhằm đảm bảo tính pháp lý để ghi sổ kế toán. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc luân chuyển chứng từ cần có kế hoạch cụ thể nhằm đảm bảo việc ghi chép kế toán được lập kịp thời, đầy đủ.

1.2.2 Tổ chức công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

Tổ chức tốt kế toán chi tiết vật liệu có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo quản vật liệu và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng vật liệu. Kế toán vật liệu vừa được thực hiện ở kho vừa được thực hiện ở phòng kế toán.

Trong thực tế có 3 phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu, tùy thuộc vào từng điều kiện cụ thể mà các doanh nghiệp có thể sử dụng một trong 3 phương pháp sau:

1.2.2.1 Phương pháp ghi thẻ song song:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra ←----->

***Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho, cuối tháng tính ra số tồn kho

ghi vào thẻ kho. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho và số thực tế có trong kho. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho nguyên vật liệu của thủ kho chuyển đến, kế toán phải có nghĩa vụ kiểm tra tính chính xác của các chứng từ này rồi ghi chép vào sổ (thẻ) có liên quan. Cuối tháng, kế toán cộng sổ (thẻ) tính ra tổng số nhập, xuất, tồn kho chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu, rồi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho, lập báo cáo tổng hợp tình hình nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu.

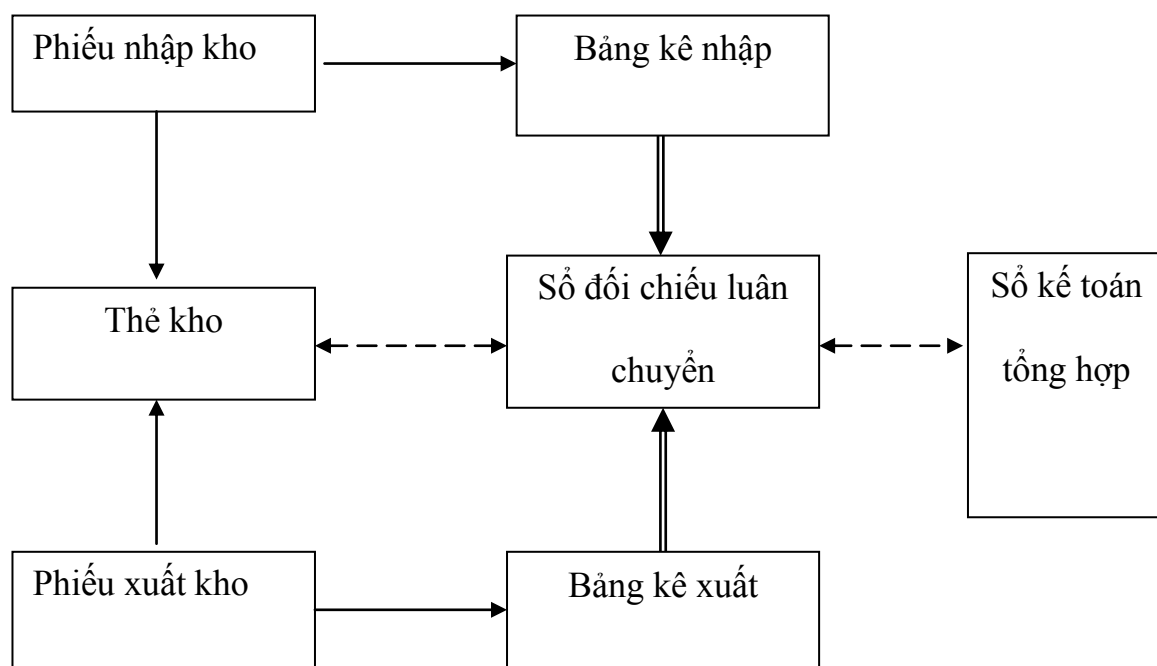
***Điều kiện áp dụng:** Cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hóa, khối lượng nhập, xuất không nhiều và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán không cao.

***Nhận xét:**

-**Ưu điểm:** Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu, kiểm tra, đảm bảo độ tin cậy cao, có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho kế toán quản trị.

-**Nhược điểm:** Khối lượng công việc ghi chép lớn, ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và kế toán.

1.2.2.2 Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════=>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra ←----->

***Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn giống như phương pháp thẻ song song.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng loại nguyên vật liệu theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng loại nguyên vật liệu, mỗi loại chỉ ghi một dòng trong sổ. Sau đó tính ra số tồn kho cuối tháng và ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

***Điều kiện áp dụng:**

Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép nhập, xuất hàng ngày.

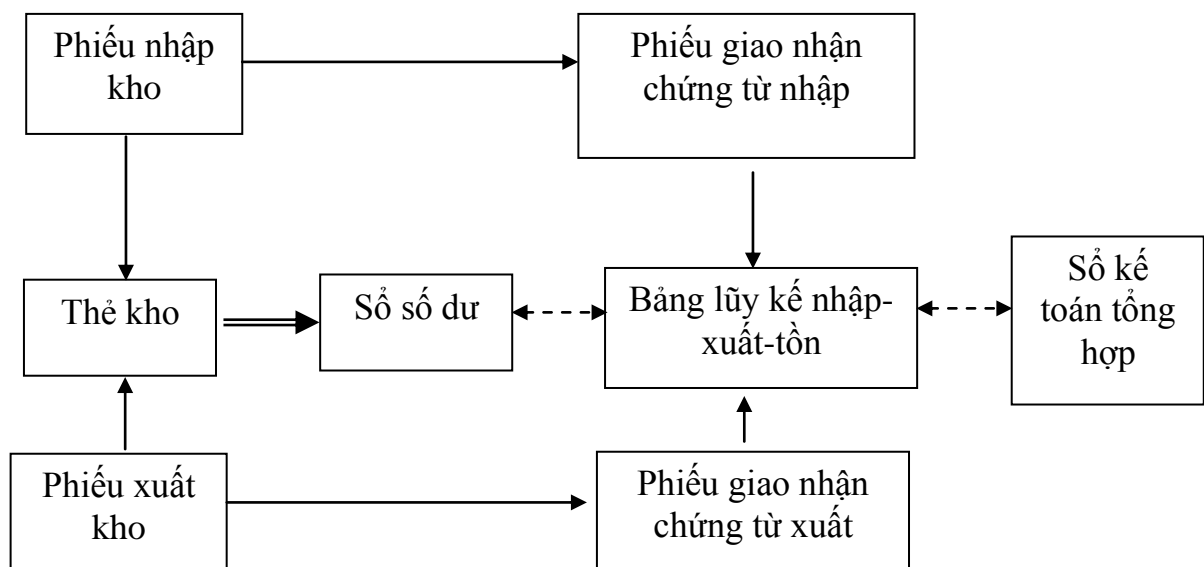
Phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

***Nhận xét:**

-Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

-Nhược điểm: Việc ghi sổ bị trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán do việc kiểm tra đối chiếu số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên vẫn hạn chế trong kiểm tra.

1.2.2.3 Phương pháp ghi sổ số dư:



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇔

Quan hệ đối chiếu kiểm tra ←-.->

***Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh trong ngày, trong kỳ và phân loại theo từng nhóm chi tiết cho nguyên vật liệu theo quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ trong đó ghi số lượng, số hiệu chứng từ của từng nhóm nguyên vật liệu và giao cho phòng kế toán kèm theo phiếu nhập, xuất kho. Cuối tháng, thủ kho ghi số lượng vật liệu tồn kho theo từng danh mục vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và ghi cả năm, cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ, ghi xong thủ kho phải chuyển trả cho phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền cho vật liệu.

- **Tại phòng kế toán:** Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho, kế toán kiểm tra chứng từ, ghi giá hạch toán và tính thành tiền cho vật liệu. Tổng cộng số tiền trên chứng từ nhập, xuất kho theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, căn cứ vào phiếu này ghi vào bảng nhập-xuất-tồn. Bảng này mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, ghi trên cơ sở chứng từ nhập-xuất. Cuối tháng tính ra số tồn kho trên bảng kê nhập-xuất-tồn. Số liệu tồn kho của từng nhóm vật liệu sử dụng để đối chiếu với sổ số dư và đối chiếu với kế toán tổng hợp theo từng nhóm.

***Điều kiện áp dụng:** Phương pháp này sử dụng cho các doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hạch toán vật liệu nhập-xuất-tồn kho.

***Nhận xét:**

-**Ưu điểm:** Hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán kịp thời, chính xác.

-**Nhược điểm:** Khi thực hiện phương pháp này thì phức tạp hơn và phải nhiều bước, nhiều thủ tục.

1.2.3 Tổ chức công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:

Theo chế độ hiện hành có hai phương pháp kế toán hàng tồn kho là: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc lựa chọn phương pháp kế toán hàng tồn kho phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất, số lượng, chủng loại vật tư, hàng hóa và yêu cầu quản lý để có sự vận dụng thích hợp và phải thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán.

1.2.3.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi việc nhập, xuất và tồn kho vật liệu một cách thường xuyên trên sổ kế toán. Đây là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh loại hàng tồn kho. Vì thế giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc, số tồn kho thực tế phải hoàn toàn phù hợp với số hàng tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị; hàng có kỹ thuật, chất lượng cao.

***Tài khoản sử dụng:**

①.**Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”:** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

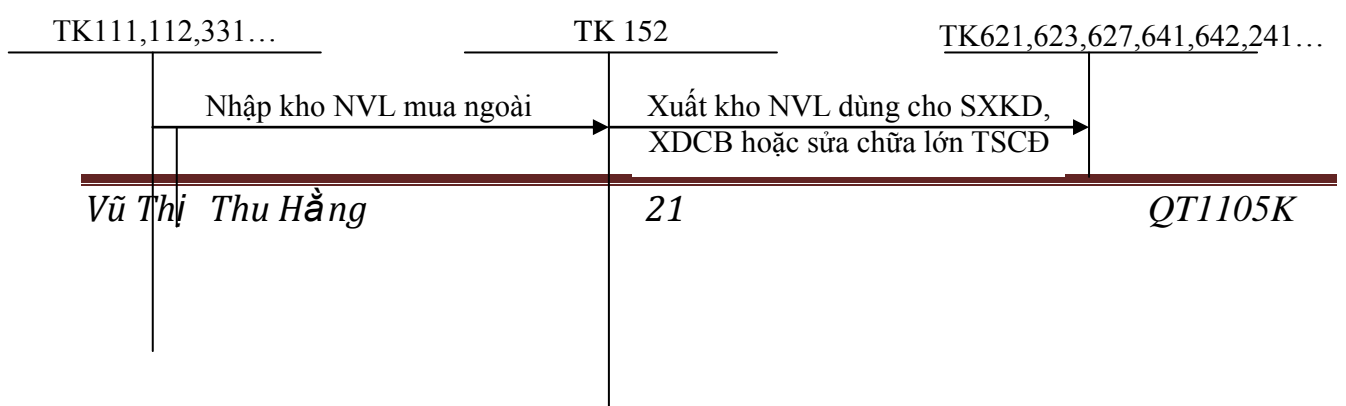
②.**TK 151 “Hàng mua đang đi đường”:** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại vật tư, hàng hóa mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

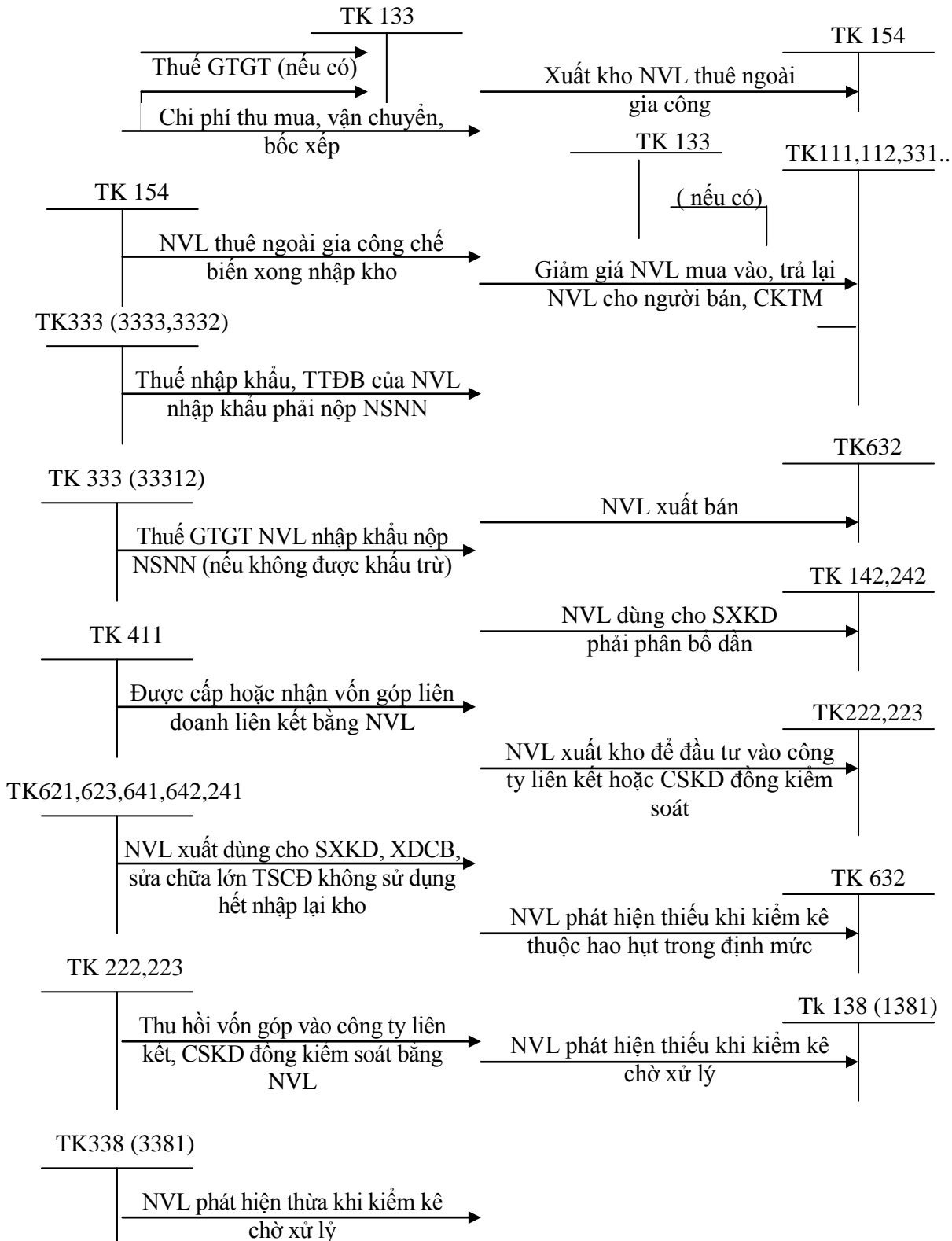
Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK111, TK112, TK331...

***Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện trên sơ đồ 1.4

Sơ đồ 1.4: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN NVL THEO PHƯƠNG PHÁP KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN





1.2.3.2 Kế toán tổng nợ nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hóa trên sổ kế

toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất dùng theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & & & & \text{Tổng trị giá} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{hàng nhập} & & \text{tồn kho cuối} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn kho đầu kỳ} & + & \text{kho trong kỳ} & - & \text{kỳ} \\ \text{trong kỳ} & & & & & & \end{array}$$

Theo phương pháp này, mọi biến động của vật tư hàng hóa (nhập, xuất, tồn kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư, hàng hóa mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng: TK611 “Mua hàng”.

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định trị giá vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế; trị giá vật tư hàng hóa xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán của TK611 “Mua hàng”.

Áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán, phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ)

***Tài khoản sử dụng:**

①. **Tài khoản 611 “Mua hàng”:** Tài khoản này sử dụng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho, hoặc sử dụng trong kỳ.

②. **Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”:** Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho chi tiết theo từng loại.

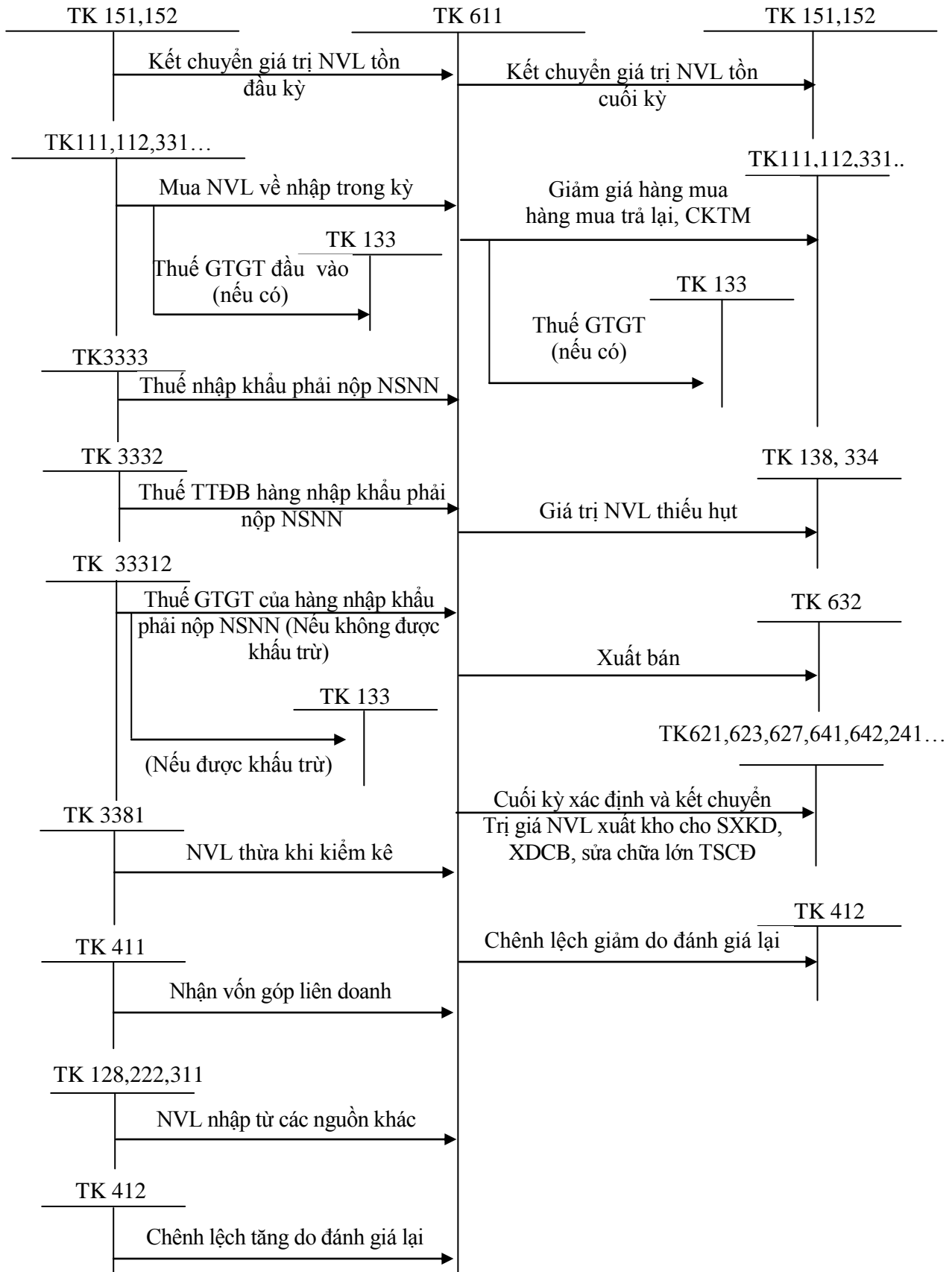
③. **TK 151 “Hàng mua đang đi đường.**

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan như: TK111, TK112, TK133, TK331...

***Phương pháp hạch toán:**

Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai định kỳ được mô tả theo sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1.5: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU THEO PHƯƠNG PHÁP KIỂM KÊ ĐỊNH KỲ



1.2.4 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh phần giá trị bị ghi xuống thấp hơn so với giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho và giá trị thuần chính là số dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải xét đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

1.3.Đặc điểm kế toán nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán.

Đề ghi chép, hệ thống hoá thông tin kế toán, doanh nghiệp phải sử dụng 1 hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động SXKD của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

Hiện nay, các hình thức sổ sách được áp dụng là: Nhật ký - sổ cái, Nhật ký chung, Nhật ký chứng từ, Chứng từ ghi sổ, kế toán trên máy vi tính.

1.3.1 Hình thức Nhật ký - sổ cái.

* *Điều kiện áp dụng:* Phù hợp với các doanh nghiệp có số lượng nghiệp vụ diễn ra ít và sử dụng ít tài khoản, trình độ nhân viên kế toán không cao.

* *Sổ sách dùng để hạch toán tổng hợp NVL:*

Theo hình thức này kế toán chỉ mở một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất: Sổ NK- SC. Sổ này gồm có 2 phần:

- Phần nhật ký: Ghi chứng từ, diễn giải, ngày tháng ghi sổ, số tiền phát sinh.
- Phần sổ cái: ghi thành nhiều cột, mỗi cột ghi sổ cái 1 tài khoản.

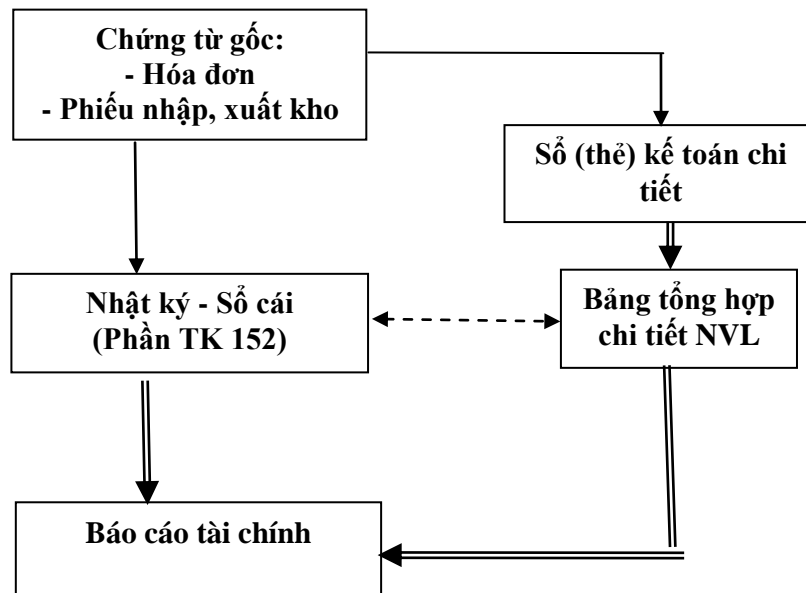
* *Trình tự ghi sổ:*

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán kiểm tra tình hình hợp pháp của các nghiệp vụ, đồng thời ghi vào NK- SC theo nội dung nghiệp vụ.

Cuối tháng tổng hợp và kiểm tra đối chiếu số liệu trên các tài khoản:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền ở phần} \\ \text{Nhật ký} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số tiền phát sinh nợ} \\ \text{của tất cả các tài khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số tiền phát sinh} \\ \text{có của tất cả các tài} \\ \text{khoản} \end{array}$$

Ngoài ra kế toán còn ghi vào bảng phân bổ nguyên vật liệu, sổ kế toán chi tiết vật liệu. Trình tự ghi sổ được biểu diễn qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

- * **Ghi chú:** —→ : Ghi hàng ngày (định kỳ).
 ==> : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).
 <---> : Đối chiếu, kiểm tra.

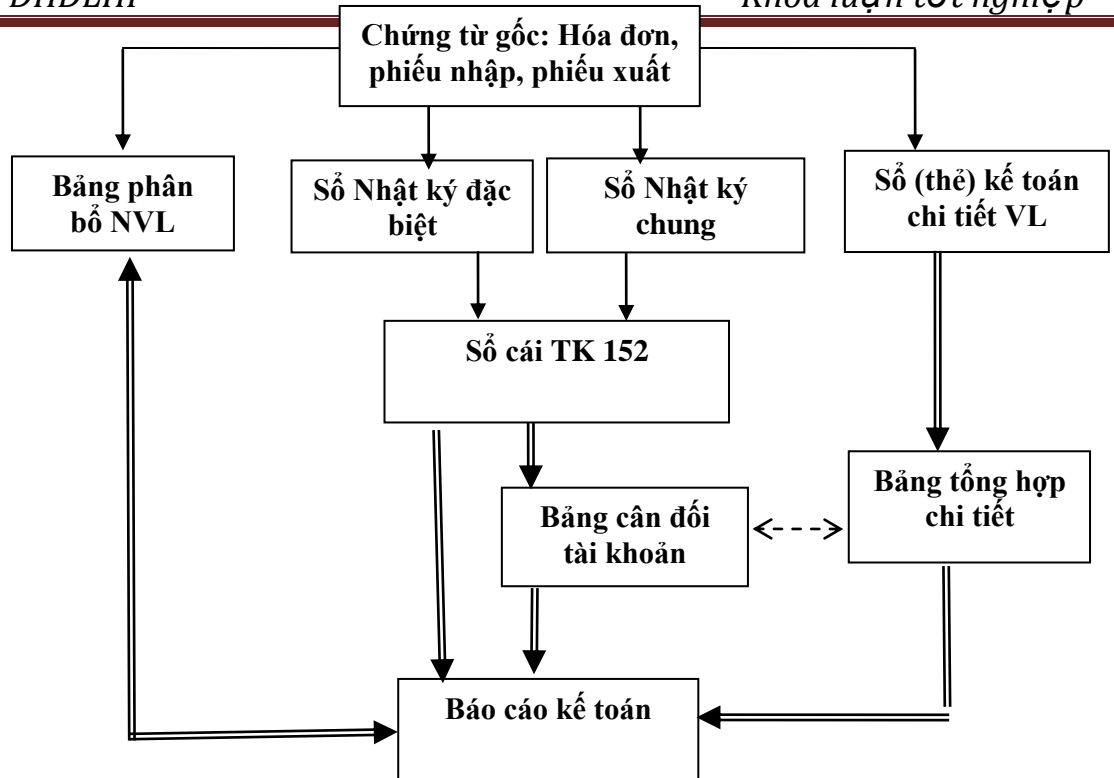
1.3.2 Hình thức Nhật ký chung.

* *Điều kiện áp dụng:* Hình thức sổ NKC thường áp dụng cho các doanh nghiệp có số lượng nghiệp vụ diễn ra không nhiều, sử dụng ít tài khoản.

* *Hình thức này gồm các loại sổ sau:*

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 152
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu, bảng tổng hợp chi tiết NVL
- Bảng phân bổ NVL

* *Trình tự ghi sổ:*



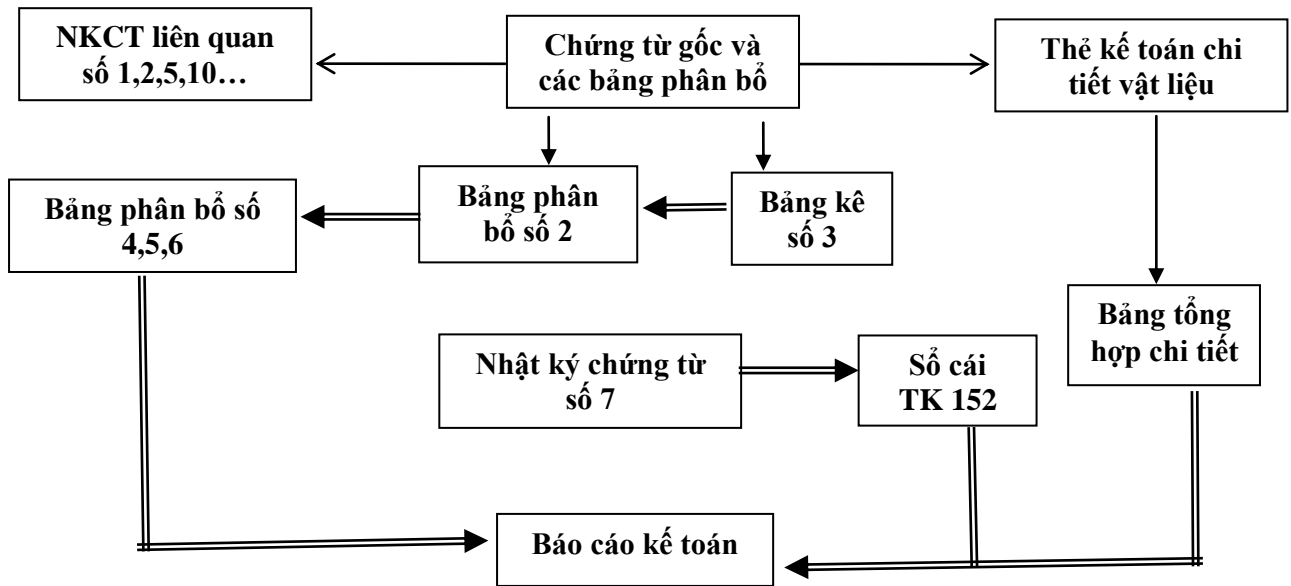
Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

1.3.3 Hình thức Nhật ký chứng từ.

-Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào bảng kê và Nhật ký chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản.

-Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.

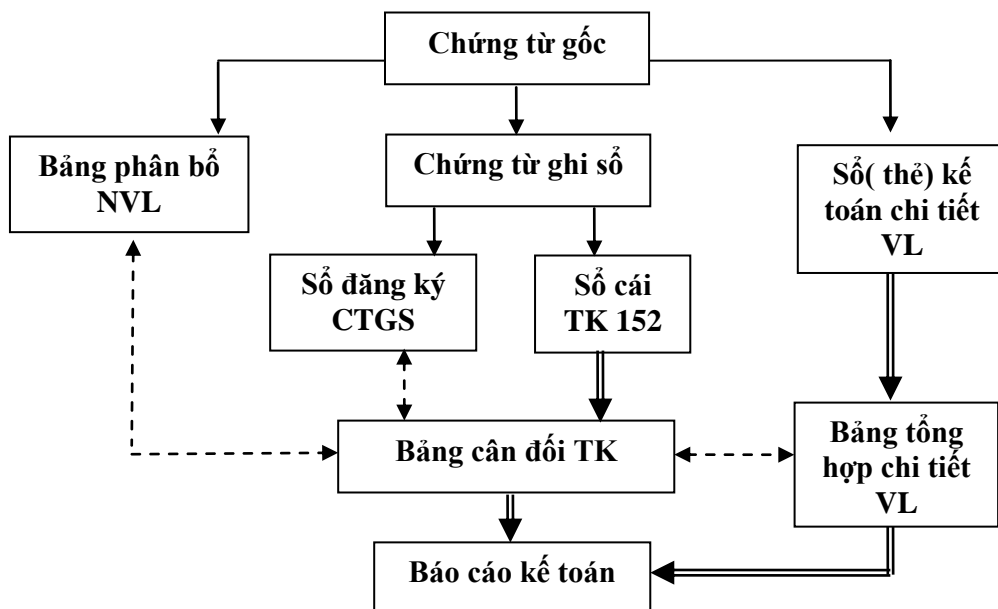
-Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng, không thuận tiện cho việc tin học hoá công tác kế toán.



Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ

1.3.4 Hình thức Chứng từ ghi sổ.

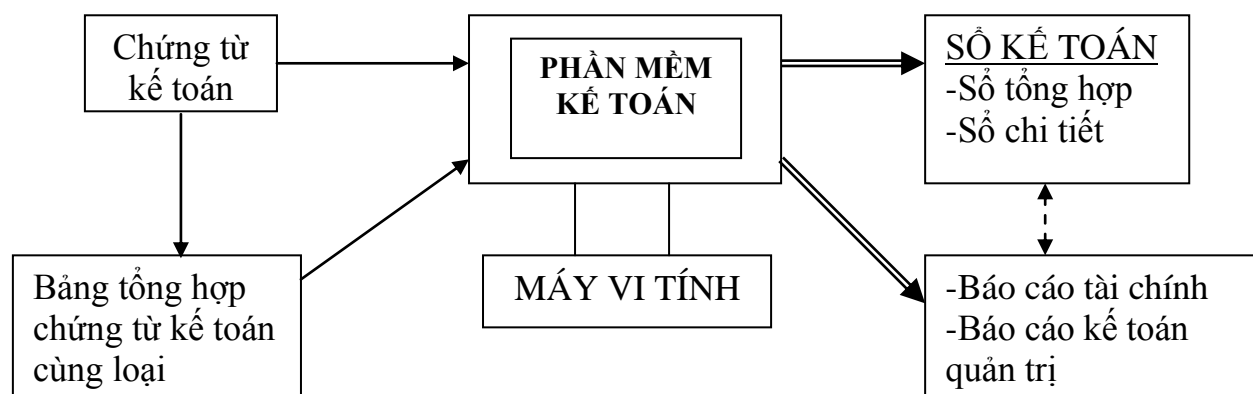
- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái tài khoản.
- Ưu điểm: Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.
- Nhược điểm: ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.



Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán trên máy được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiện thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.10: Trình tự kế toán theo hình thức trên máy vi tính

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG

2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty

Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng được thành lập ngày 03/10/1959 trong thời kỳ cải tạo công thương tư bản tư doanh từ cơ sở vật chất kỹ thuật của 7 nhà tư bản hợp doanh lại thành Công ty hợp doanh sửa chữa ô tô, ca nô Hải Phòng. Đến ngày 04/04/1966 theo Quyết định số 165/QĐ của UBND Thành phố Hải Phòng xếp hạng Xí nghiệp là hạng 4 Xí nghiệp cơ khí sửa chữa.

Từ khi Xí nghiệp thành lập, Xí nghiệp luôn là một cơ sở sản xuất kinh doanh và hạch toán độc lập dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND Thành phố Hải Phòng và Giám đốc Sở Giao thông Công chính. Trong quá trình cải tạo và xây dựng, Xí nghiệp không ngừng phát triển sản xuất, liên tục hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước giao cho.

Đến ngày 24/12/1980 theo QĐ 1010/QĐ TCCQ của UBND Thành phố đổi tên Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa thành “ Xí nghiệp sửa chữa Ô tô Hải Phòng”. Để hoà nhập và thuận tiện đối với nền kinh tế mở, khuyến khích hợp tác đầu tư gọi vốn trong và ngoài nước, ngày 12/11/1992 Xí nghiệp đổi tên là “Nhà máy Ô tô Hải Phòng”.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, ngày 12/03/2004 tại Quyết định số 631/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, Nhà máy Ô tô Hải Phòng đã chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng.

Địa chỉ giao dịch: Số 274 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng luôn hoàn thành mọi kế hoạch đặt ra, tổ chức lãnh đạo cán bộ công nhân viên nỗ lực thi đua sản xuất, không ngừng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân vững chắc về chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, trình độ tổ chức quản lý nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách đầy đủ, đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên.

Kế thừa quá trình xây dựng và phát triển 50 năm qua công ty đã được tặng thưởng Huân chương chiến công Hạng II, III, Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ cùng với những bằng khen của UBND Thành phố, Chủ tịch phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ

- Kinh doanh mua bán ô tô các loại.
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại xe ô tô.
- Kinh doanh phụ tùng thiết bị ô tô

Hàng năm Công ty đã tiến hành xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký và mục tiêu thành lập của Doanh nghiệp.

Tổ chức đầu tư khai thác nguồn hàng để ký kết hợp đồng sản xuất kinh doanh dịch vụ, tạo hiệu quả kinh tế xã hội, tăng cường điều kiện vất chất cho Công ty, xây dựng nền tảng cho Công ty ngày càng vững chắc.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng nghĩa là các phòng ban tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị – Tổng Giám đốc theo từng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Bộ máy quản lý được tổ chức như sau:

a. Lãnh đạo Công ty

- *Đại hội đồng cổ đông*: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, đưa ra những quyết định có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

- *Ban kiểm soát*: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty để báo cáo lại với Đại hội đồng cổ đông.

- *Hội đồng quản trị*: là cơ quan quản lý Công ty, quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch hàng năm của Công ty.

- *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty*: Là người chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và tập thể cổ đông của Công ty về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân trực tiếp phụ trách, chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về quản lý chỉ đạo toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và chăm lo đời sống của người lao động.

b. Phòng ban chức năng

* *Phòng tổ chức – hành chính thực hiện các nhiệm vụ sau:*

- Tổ chức về lao động, tiền lương
- Lập kế hoạch về lao động (đào tạo, tuyển dụng, tăng giảm lao động)
- Lập kế hoạch về quỹ tiền lương
- Kiểm tra, phân tích đánh giá về tình hình sử dụng lao động, tình hình thực hiện công tác an toàn bảo hộ lao động

- Hành chính quản trị phục vụ công tác quản trị toàn Công ty
- Y tế bảo vệ sức khoẻ cho CBCNV
- Bảo vệ chính trị, kinh tế của Công ty, nghiên cứu tổ chức thực hiện nội quy của Công ty.

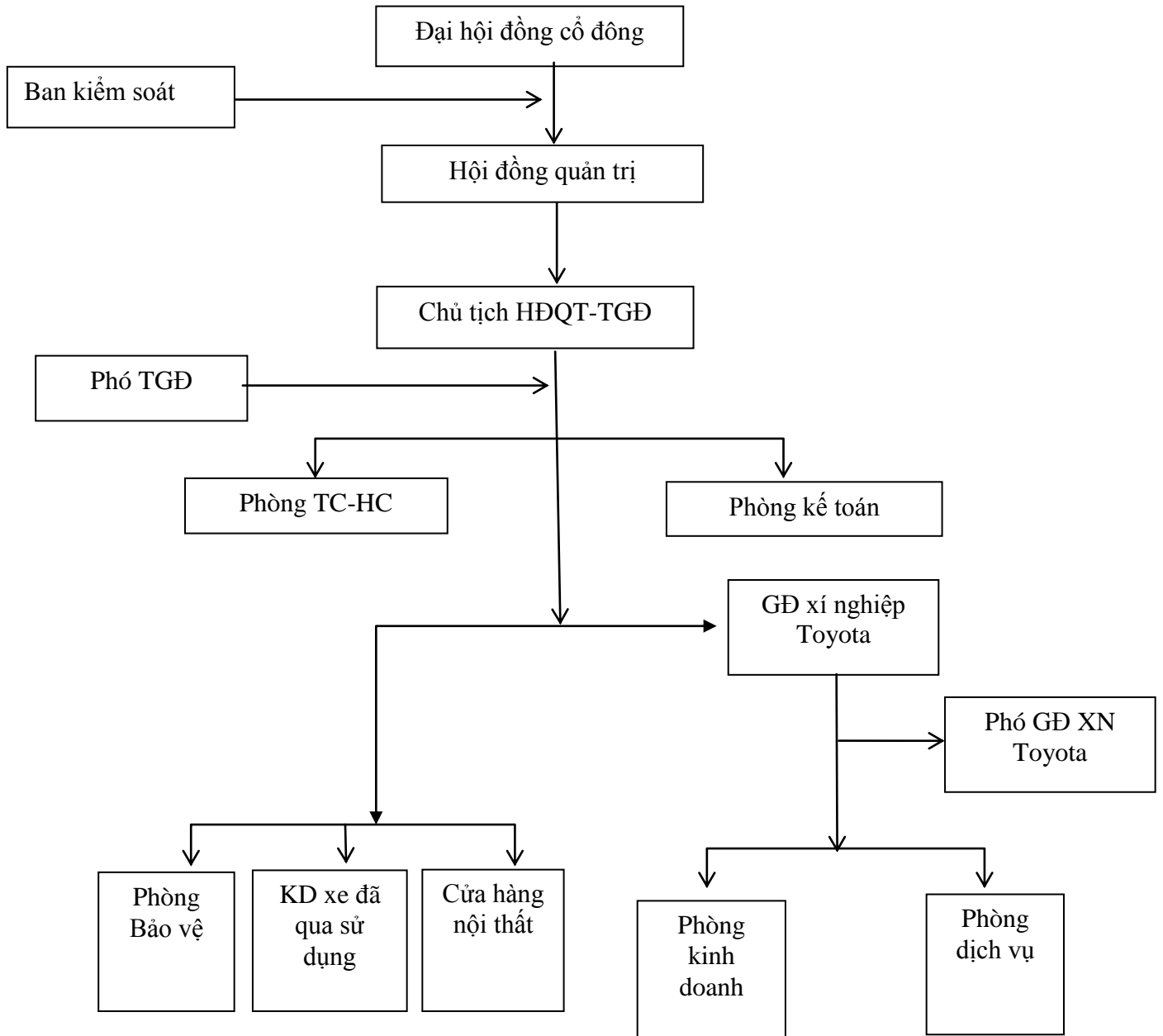
** Phòng kế toán*

- Quản lý tình hình tài chính của Công ty
- Tổ chức hạch toán kế toán
- Xác định giá thành sản phẩm
- Phân tích đánh giá về khả năng tài chính của Công ty (thanh toán các khoản phải thu, phải trả và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách)
- Cung cấp thông tin về tài chính cho HĐQT và đề xuất các ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Công ty.

c.Xí nghiệp thành phần(xí nghiệp Toyota):gồm 2 phòng kinh doanh và dịch vụ

- Phòng kinh doanh: Nắm vững thị trường marketing, tìm hiểu sở thích thị hiếu khách hàng, chịu trách nhiệm phân phối các loại xe của hãng Toyota.
- Phòng dịch vụ: tiếp nhận dịch vụ sửa chữa xe, dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng định kỳ, đại tu máy, cung cấp phụ tùng chính hãng, sửa chữa và thay mới phụ tùng cho xe bị hư hỏng nặng,...

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng được thể hiện qua sơ đồ sau:



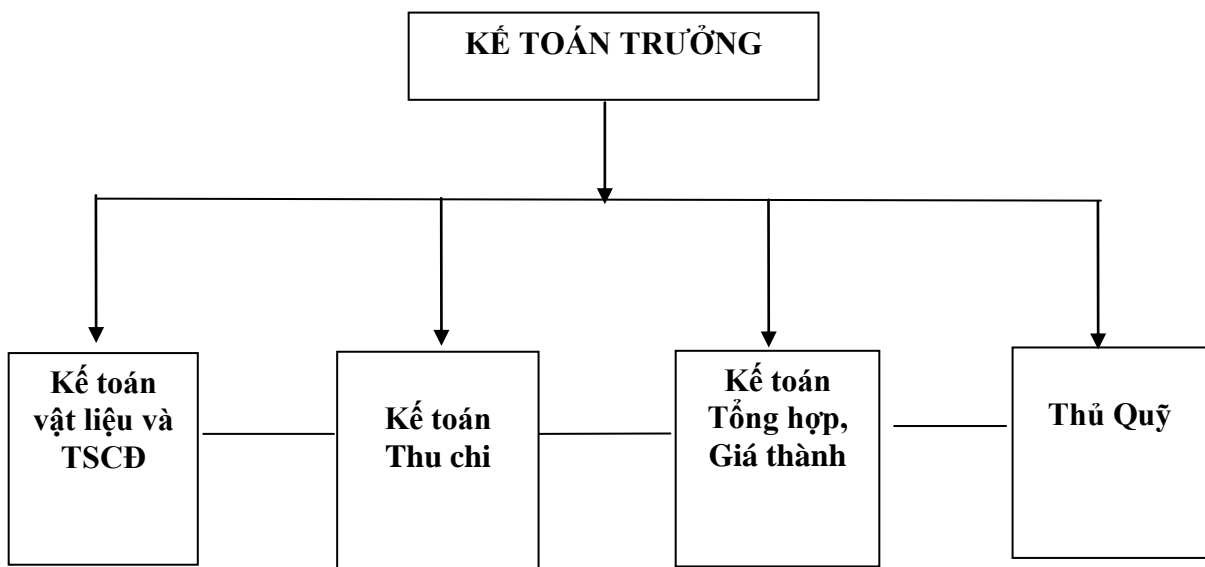
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty

2.1.4.1. Hình thức tổ chức công tác kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng được tổ chức theo hình thức tập trung. Chứng từ sau khi được thu thập, kiểm tra và xử lý sẽ được tổng hợp để ghi sổ, lập báo cáo kế toán của đơn vị mình.

2.1.4.2. Cơ cấu bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty gồm 5 người: 1 Kế toán trưởng và 4 kế toán viên được tổ chức theo sơ đồ sau.



Ghi chú:

Chịu sự quản lý trực tiếp: —————>

Các bên có liên quan: _____

- **Kế toán trưởng**: là người đứng đầu bộ máy kế toán, người điều hành, giám sát mọi hoạt động của bộ máy kế toán, chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn kế toán, tài chính của Công ty.

- **Kế toán tổng hợp**: có trách nhiệm theo dõi chung và tổng hợp các số liệu kế toán của tất cả các phân hành. Chịu trách nhiệm theo dõi hạch toán các khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, theo dõi chi tiết về tình hình nhập xuất

từng loại vật tư để tập hợp chi phí sản xuất. Cuối cùng lập các báo cáo theo quy định và báo cáo quản trị khi có yêu cầu.

- **Kế toán thu chi:** theo dõi các khoản thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng phát sinh hàng ngày. Chịu trách nhiệm về thanh toán kịp thời theo dõi các khoản công nợ đẩy mạnh công tác thanh toán thu hồi vốn. Cuối tháng, quý, năm tổng hợp và phân loại các báo cáo kế toán tổng hợp.

- **Kế toán nguyên vật liệu, tài sản cố định:** theo dõi tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu và tăng giảm tài sản cố định, tính khấu hao tài sản cố định từng tháng.

- **Thủ quỹ:** là người thực hiện nhiệm vụ thu chi tiền mặt phát sinh hàng ngày, bảo quản và lập các báo cáo thu chi tiền mặt.

2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC.

- Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

- Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ hạch toán : VND- Việt Nam đồng.

- Phương pháp xác định giá nhập NVL, CCDC, TSCĐ : theo giá gốc.

- Phương pháp xác định giá NVL, CCDC xuất kho: nhập trước – xuất sau.

- Phương pháp kê khai hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ- BTC

ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

-Hệ thống tài khoản kế toán: Vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 47/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

2.1.4.4. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty cổ phần Ô tô Hải Phòng sử dụng hình thức kế toán **Chứng từ ghi sổ**.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán **Chứng từ ghi sổ**: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”.Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- **Chứng từ ghi sổ;**
- **Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ;**
- **Sổ Cái;**
- **Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.**

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
(Biểu số 03)

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo Tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty:

2.2.1 Tổ chức công tác quản lý chung về nguyên vật liệu trong Công ty:

❖ Phân loại nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố vật chất trong quá trình sản xuất sản phẩm. Tổ chức công tác kinh tế nguyên vật liệu là một trong những bộ phận chủ yếu của việc tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp. Để tổ chức tốt công tác kế toán về nguyên vật liệu thì trước hết phải hiểu rõ đặc điểm nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm của Công ty. Do đặc điểm của công ty là sửa chữa, bảo dưỡng các loại xe ô tô nên vật tư của nhà máy chủ yếu là sơn, phụ tùng thay thế các loại ô tô..

Hàng tháng, Công ty phải sử dụng một khối lượng lớn nguyên vật liệu và gồm nhiều loại khác nhau. Mỗi loại nguyên vật liệu đều có công dụng và tính năng khác nhau. Vì vậy, để quản lý chặt chẽ và sử dụng nguyên vật liệu có hiệu quả thì Công ty phải hạch toán chi tiết từng loại nguyên vật liệu. Do đó, nguyên vật liệu của Công ty được chia thành ba loại sau:

- Nguyên vật liệu phụ: Sơn, bột bả, que hàn,...
- Nhiên liệu: Xăng, dầu, mỡ,...
- Phụ tùng thay thế: Ca bô, tai xe, kính chắn gió,...

Kế toán nguyên vật liệu được chia thành ba tiểu khoản để tiện cho việc theo dõi và hạch toán.

Tài khoản 152.2: “Nguyên vật liệu phụ”.

Tài khoản 152.3: “Nhiên liệu”.

Tài khoản 152.4: “Phụ tùng thay thế”.

Toàn bộ nguyên vật liệu được quản lý và tập trung tại kho của Công ty. Do nguyên vật liệu của Công ty đa dạng, phức tạp và có nhiều chủng loại nên kế toán nguyên vật liệu đã tổ chức thành danh điểm vật liệu để cho việc quản lý nguyên vật liệu được dễ dàng và thuận tiện. Sổ danh điểm vật liệu được lập theo mẫu:

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU

Ký hiệu		Tên nhãn hiệu	ĐVT	Đơn giá
Nhóm	Danh điểm			
Vật liệu phụ	152.2	Sơn trắng HP	Kg	70.000

Nhiên liệu	152.3	Dầu máy	Lít	69.000

Phụ tùng thay thế	152.4	Má phanh	Bộ	2.500.000
...

❖ Công tác thu mua nguyên vật liệu:

Việc thu mua nguyên vật do phòng vật tư thực hiện. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất của từng tháng, quý, năm để lên kế hoạch cung cấp nguyên vật liệu. Sau đó nhân viên phòng vật tư tiến hành tìm nguồn mua nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu thu mua có thể do người bán chuyển đến nhưng cũng có thể do Công ty tự lo khâu vận chuyển. Nguyên vật liệu ở Công ty được mua theo hai phương thức: mua theo hợp đồng(với đối tác quen), mua trên thị trường tự do.

❖ Tình hình công tác quản lý Nguyên vật liệu

+ Tổ chức hệ thống kho tàng

Theo tính chất và nhu cầu cung ứng nguyên vật liệu, vật liệu ở công ty được tổ chức bảo quản ở 3 kho:

- Kho 1: Bảo quản vật liệu phụ.

- Kho 2: Bảo quản nhiên liệu.

- Kho 3: Bảo quản phụ tùng thay thế.

Ở mỗi kho, thủ kho được trang bị đầy đủ phương tiện cân, đong, đo, đếm.

+ *Tổ chức quản lý nguyên vật liệu:*

Người đứng đầu là trưởng bộ phận phụ tùng, chịu trách nhiệm chính. Trưởng bộ phận giao trách nhiệm cho các thủ kho. Các thủ kho chịu trách nhiệm quản lý, bảo quản tốt vật tư. Bên cạnh đó, thủ kho còn phải cập nhật số liệu vào sổ sách về mặt số lượng, tình hình biến động của từng vật liệu, kiểm kê kho hàng, đồng thời có trách nhiệm phát hiện và báo cáo lên trưởng bộ phận các trường hợp vật liệu tồn đọng trong kho làm ứ đọng vốn, giảm khả năng thu hồi vốn sản xuất của công ty. Sau đó trưởng bộ phận sẽ báo cáo lên phòng kế toán, lãnh đạo công ty để tìm hướng giải quyết.

❖ *Đánh giá nguyên vật liệu:*

+ *Tính giá nguyên vật liệu nhập kho.*

Do tính chất sản xuất kinh doanh của Công ty nên nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là mua ngoài.

Trị giá NVL nhập kho	Trị giá mua ghi trên hóa đơn (có thuế GTGT)	Chi phí vận chuyển, bốc dỡ (nếu có)
----------------------------	---	--

Khi thu mua nguyên vật liệu về nhập kho, kế toán căn cứ vào các chứng từ, định khoản:

Nợ TK 152

Có TK 111, TK 112, TK 331, TK 311...

Ví dụ 1 : Ngày 15/7/2010, mua một số nguyên vật liệu phụ của Công ty vật tư Thương mại theo Hóa đơn số 78. Giá ghi trên hóa đơn là:

Que hàn 3 ly 500 kg x 20.000 = 10.000.000đ

Sơn trắng HP	100 kg x 70.000 = 7.000.000đ
Tôn 1,2 ly	300 kg x 40.000 = 12.000.000đ
Bột bả	250 kg x 20.000 = <u>5.000.000đ</u>
Tổng	= 34.000.000đ

Thuế GTGT = 10%

Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Vậy giá thực tế nhập kho = 34.000.000đ + 3.400.000đ = 37.400.000đ

Kế toán ghi:

Nợ TK 152(2) : 34.000.000đ

Nợ TK 133 : 3.400.000đ

Có TK 111 :37.400.000đ

Ví dụ 2: Ngày 7/7: Công ty ký hợp đồng mua nhiên liệu của Công ty xăng dầu theo hợp đồng số 96. Giá ghi trên hóa đơn số 96 là :

Mỡ 50kg x 50.000đ = 2.500.000đ

Xăng 200l x 19.000đ = 3.800.000đ

Tổng 6.300.000đ

Thuế GTGT 10%

Công ty đã trả 500.000đ tiền mặt cho vận chuyển và chưa thanh toán tiền hàng cho người bán.

Vậy giá thực tế nhập = 6.300.000đ + 630.000đ + 500.000đ = 7.430.000đ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 152.3 : 6.300.000đ

Nợ TK 133 : 630.000đ

Có TK 111 : 500.000đ

Có TK 331 : 7.430.000đ

Ví dụ 3: Ngày 10/7/2010, Công ty mua một số phụ tùng thay thế của Công ty vật tư, giá ghi trên hóa đơn số 192 là

Giảm sóc : 3.700.000đ

Lọc gió : 2.900.000đ

Lọc xăng : 4.000.000đ

Tổng 10.600.000đ

Thuế GTGT 10%

Công ty chưa thanh toán cho người bán

Vậy giá thực tế nhập = 10.600.000đ + 1.060.000đ = 11.660.000đ

Kế toán ghi:

Nợ TK 152.4 : 10.600.000đ

Nợ TK 133 : 1.060.000đ

Có TK 331 : 11.660.000đ

+ *Tính giá Nguyên vật liệu xuất kho*

Việc tính giá nguyên vật liệu xuất dùng được Công ty tính theo phương pháp nhập sau – xuất trước

Theo phương pháp này thì lô hàng nào nhập sau sẽ được xuất trước. Căn cứ vào số lượng vật liệu tính ra giá trị thực tế xuất kho theo nguyên tắc tính theo đơn giá của lần nhập sau cùng đối với số lượng xuất kho thuộc lần nhập sau cùng, số còn lại được tính theo đơn giá thực tế của lần nhập trước đó.

Ví dụ:

-Tồn đầu kỳ của nhiên liệu:

Mỡ : 10Kg x 48.500đ = 485.000đ

Xăng : 100l x 18.000đ = 1.800.000đ

-Nhập trong kỳ của nhiên liệu:

Mỡ : 50kg x 50.000đ = 2.500.000đ

Xăng : 200l x 19.000đ = 3.800.000đ

-Ngày 29/07/2010, xuất 2kg mỡ , 5l xăng cho bảo dưỡng xe cho khách hàng.

Nợ 621 :195.000đ

Có 152.3(mỡ) :100.000đ

Có 152.3(xăng) :95.000đ

2.2.2. Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty

2.2.2.1.Thủ tục nhập – xuất nguyên vật liệu

① Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Tất cả mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty liên quan đến việc nhập xuất nguyên vật liệu đều phải lập chứng từ kế toán đầy đủ, kịp thời, chính xác đúng theo nội dung ghi chép ban đầu về nguyên vật liệu đã được Nhà nước ban hành đồng thời phải đảm bảo những thủ tục đã được quy định.

Khi có nhu cầu về nguyên vật liệu, nhân viên tiếp liệu tại phòng vật tư trình danh sách nguyên vật liệu cần mua, báo giá cho trưởng phòng và giám đốc duyệt, sau đó xuống phòng tài vụ xin tạm ứng tiền và trả tiền sau. Nguyên vật liệu sau khi đã mua về nhập kho thì tiến hành thủ tục kiểm tra và nhập kho, phiếu nhập kho do phòng kế hoạch vật tư lập thành 3 liên.

Liên 1: Lưu tại phòng vật tư.

Liên 2: Giao cho người giao hàng.

Liên 3: Thủ kho dùng ghi thẻ kho rồi chuyển cho phòng kế toán vào sổ.

② Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất sản phẩm, phòng kỹ thuật kiểm tra xác định mức độ sửa chữa, mức độ tiêu hao nguyên vật liệu và ký sổ định mức cấp nguyên

vật liệu. Dựa vào định mức đã duyệt ở sổ cấp nguyên vật liệu, bộ phận viết phiếu vật tư viết phiếu xuất kho thành 2 liên.

Liên 1 : Lưu tại phòng vật tư.

Liên 2 : Giao cho thủ kho để vào thẻ kho, rồi chuyển cho kế toán để vào sổ.

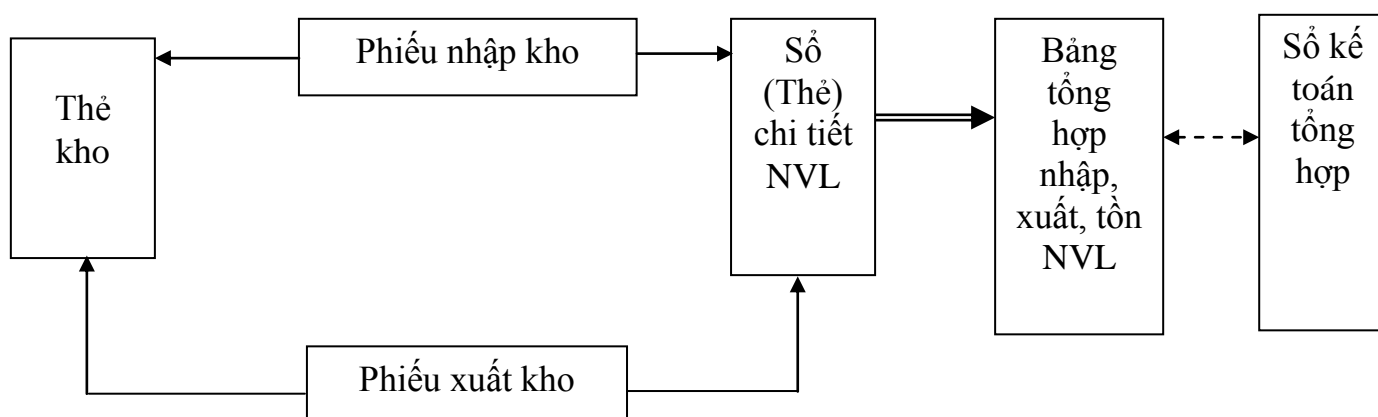
Người nhận vật tư mang cả 2 liên xuống kho để thủ kho xuất nguyên vật liệu ghi trên phiếu xuất kho được duyệt.

Từ các phiếu xuất kho, thủ kho vào thẻ kho để theo dõi mặt số lượng của nguyên vật liệu xuất kho. Mỗi thẻ kho được mở cho từng loại nguyên vật liệu.

2.2.2.2 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty:

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty được tiến hành theo phương pháp ghi thẻ song song. Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ phương pháp chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty



* **Tại kho:** Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho, cuối tháng tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Hàng ngày sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán

.*Đối với loại nguyên vật liệu phục vụ cho nhu cầu riêng của từng đơn hàng thì không ghi thẻ kho.

***Tại phòng kế toán:**

Tại phòng kế toán, kế toán phải theo dõi tình hình nhập-xuất nguyên vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị. Sau khi kiểm tra các nội dung chủ yếu của chứng từ kế toán, khi đã đủ điều kiện, kế toán viên ký tên và trình lãnh đạo ký. Lãnh đạo phòng kiểm tra lại lần nữa khi đã đủ điều kiện thì ký tên. Khi đã đầy đủ dữ liệu và số liệu, kế toán vào các sổ sách chứng từ liên quan: sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cuối tháng, kế toán cộng sổ tính ra tổng số nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, rồi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho, lập báo cáo tổng hợp tình hình nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu.

Ví dụ 1: Ngày 01/07/2010, mua dầu và hóa chất của CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM, chưa thanh toán .

- Khi nguyên vật liệu về tới Công ty, căn cứ vào hóa đơn số 0001720 (Biểu 1), phòng kế hoạch vật tư tiến hành kiểm tra và viết phiếu nhập kho số 862 (Biểu 2)

- Ngày 03/07/2010, xuất dầu máy cho xe theo lệnh xuất vật tư số 1034(Biểu 3)

- Căn cứ vào lệnh xuất vật tư kế toán tiến hành viết phiếu xuất 1034 (Biểu 4)

Ví dụ 2: Ngày 10/7/2010, mua phụ tùng thay thế của CÔNG TY CP Ô TÔ TRỰC TUYẾN VIỆT NAM, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

- Khi nguyên vật liệu về tới Công ty, theo Hóa đơn số 0066029(Biểu 5), phòng kế hoạch vật tư tiến hành kiểm nhập và viết phiếu nhập kho 983 (Biểu 6)

- Ngày 11/7/2010, xuất phụ tùng sửa chữa xe theo lệnh xuất vật tư số 1412 (Biểu 7)

- Kế toán tiến hành viết phiếu xuất kho số 1412 (Biểu 8) căn cứ vào lệnh xuất vật tư.

Ví dụ 3: Ngày 28/07/2010 mua vật liệu phụ của Công ty Cổ phần Ô tô ASC, chưa thanh toán.

- Căn cứ vào HĐGTGT số 16445(Biểu 9), kế toán viết phiếu nhập kho số 1263 (Biểu 10)

- Ngày 30/07/2010, xuất vật liệu phụ phục vụ sửa chữa xe theo lệnh xuất vật tư số 1764 (Biểu 11)

- Căn cứ vào lệnh xuất vật tư kế toán tiến hành viết phiếu xuất số 1764 rồi chuyển lại cho thủ kho để xuất vật tư theo yêu cầu(Biểu 12).

* Từ các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thủ kho tiến hành vào các thẻ kho:

Thẻ kho cho dầu máy SG(Biểu 13), Thẻ kho cho Trần xe(Biểu 14), Thẻ kho cho Sơn lót 2KLE2004 (Biểu 15),...

* Kế toán tiến hành nhập số liệu vào Sổ chi tiết TK 152 (Chi tiết cho nhiên liệu - Biểu 16, phụ tùng thay thế – Biểu 17, vật liệu phụ – Biểu 18), Bảng tổng hợp chi tiết Vật liệu – Biểu 19.

Biểu 1



Mã số thuế/ Tax code
2500150335

**CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM
TOYOTA MOTOR VIETNAM CO., LTD.**

Phường Phúc Thắng, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
Phuc Thang Ward, Phuc Yen Town, Vinh Phuc Province
Tel: (0211) 3868 100 Fax: (0211) 3868 117

HÓA ĐƠN GTGT

VAT Invoice

Liên (Copy) 2: Khách hàng(For Customer)

Mẫu số(From): 01 GTKT- 3LL- 02
Xê ri(Series) : AA/2010T
Số (No) : 0001720
Ngày(Date): 01/07/2010

Ret No: VAT10/1720

Tên khách hàng(Customer name): Xí nghiệp TOYOTA Hải Phòng (THP)

Địa chỉ (Address) : 274 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Hình thức TT(Terms of payment):

Mã số thuế(Tax code):0200581023-001

STT No.	Tên hàng hóa, dịch vụ Discription	Đơn vị tính Unit	Số lượng Qty	Đơn giá Price	Thành tiền Payment
1.	Dầu máy SG	Lít	240	58.900	14.136.000
2.	Dầu máy SM	Lít	2000	57.500	115.000.000
Cộng tiền hàng/Total sales amount:					129.136.000
Thuế suất thuế GTGT/VAT rate(%) 10 Tiền thuế/VAT amount:					12.913.600
Tổng cộng tiền thanh toán/ Grand total sales included tax:					142.049.600
Số tiền viết bằng chữ/ in word:					
Một trăm bốn hai triệu không trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng.					

Người mua
Buyer
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người viết hóa đơn
Prepared by
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra
Checked by
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người duyệt
Approved by
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2:

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 01 tháng 7 năm 2010

Số: 862

Họ tên người giao hàng: **Toyota Motor Việt Nam**

SỐ ĐƠN HÀNG

Số: ...

Theo hóa đơn số: **VAT10/1720**

B 80604

Nợ: ...

Nhập tại kho: **Phòng Vật tư – Toyota Hải Phòng**

Có: ...

STT	Mã Vật tư	Tên Vật tư	ĐV	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	0888082700	Dầu máy SG	Lít	240	58.900	14.136.000
2	0888083209	Dầu máy SM	Lít	2000	57.500	115.000.000
3						
4						
5						
6						
Tổng cộng						129.136.000

Phụ trách cung tiêu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

Biểu 3:

Xí nghiệp Toyota Hải Phòng
 274 Lạch Tray- Q.Ngô Quyền-HP
 Điện thoại: 031 3854 560 Fax: 031 38470392
 MST: 0200 581023 001



Dịch vụ hoàn hảo

LỆNH XUẤT VẬT TƯ

Số phiếu: S31010101034

Ngày tạo: 03/07/2010

Bản tổng hợp(1)

Biển số : 16H- 8956

Cố vấn dịch vụ: **Đỗ Hoàng Tùng**

Loại sửa chữa: **Sửa chữa chung**

Họ và tên KH: Cty TNHH TM
 Hoàng Sơn

Kiểu xe:	CAMRY	Mã kiểu xe:	MCV30L- JEAERU
Số khung:	9010145	Số máy:	
Số Km:	233256	Mã màu:	Silver metallic
Ngày giao xe:			

STT	Mã PT/VT	Tên PT/ VT	SL	ĐV
1.	0888082700	Dầu máy SG	6	Lít

CỐ VẤN DỊCH VỤ

QUẢN ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ

Biểu 4:

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 03 tháng 7 năm 2010

Số :1034

Cố vấn dịch vụ : Đỗ Hoàng Tùng

BIỂN SỐ XE

Số lệnh sửa chữa: **S3101010314080**

16H- 8956

Xuất tại kho: Bộ phận phụ tùng – Toyota Hải Phòng

STT	Mã PT	Tên phụ tùng	ĐV	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	0888082700	Dầu máy SG	Lít	6	58.900	353.400
2						
3						
4						
5						
Cộng						353.400

Nhân viên phòng phụ tùng

Người nhận

Biểu 5:

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			VX/2010B															
Liên 2:(Giao khách hàng)			0066029															
Ngày 10 tháng 07 năm 2010																		
Đơn vị bán hàng : CTY CP Ô TÔ TRỰC TUYẾN VIỆT NAM.....																		
Địa chỉ:Số 27-Ngách 77/5- Phố Bùi Xương Trạch- P.Khương Đình- Q.Thanh Xuân- HN																		
Tài khoản :.....																		
Điện thoại:.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>						0	1	0	2	3	5	5	0	0	1			
0	1																	
0	2	3	5	5	0	0												
1																		
Họ tên người mua hàng:																		
Tên đơn vị: Xí nghiệp Toyota Hải Phòng.....																		
Địa chỉ : Số 274- Lạch Tray - Ngô Quyền- Hải Phòng.....																		
Số tài khoản.....																		
Hình thức thanh toán: CK MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	5	8	1	0	2	3			
0	2																	
0	0	5	8	1	0	2												
3																		
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
A	B	C	1	2	3=1x2													
1.	Thước lái	C	01	20.947.000	20.947.000													
2.	Tapbi cửa trước	C	01	13.532.000	13.532.000													
3.	Kính cửa trước	C	01	8.363.000	8.363.000													
4.	Trần xe	C	01	27.510.000	27.510.000													
5.	Túi khí sườn bên lái	C	01	14.210.000	14.210.000													
Cộng tiền hàng:					84.562.000													
Thuế suất thuế GTGT:....10%... Tiền thuế GTGT:					8.456.200													
Tổng cộng tiền thanh toán:					93.018.200													
Số tiền viết bằng chữ: chín mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn ba trăm đồng																		
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)														

Biểu 6:

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 10 tháng 7 năm 2010

Số: 983

Họ tên người giao hàng: **CTY CP Ô TÔ TRỰC TUYẾN VN**

SỐ ĐƠN HÀNG

Số: ...

Theo hóa đơn số: **HDGTGT 66029**

B 61306

Nợ: ...

Có: ...

Nhập tại kho: **Phòng Vật tư – Toyota Hải Phòng**

STT	Mã PT/VT	Tên PT/VT	ĐV	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1.	0411116241	Thước lái	C	01	20.947.000	20.947.000
2.	0415231090	Tapbi cửa trước	C	01	13.532.000	13.532.000
3.	0442127050	Kính cửa trước	C	01	8.363.000	8.363.000
4.	0444535110	Trần xe	C	01	27.510.000	27.510.000
5.	0446512592	Túi khí sườn bên lái	C	01	14.210.000	14.210.000
Tổng cộng						84.562.000

Phụ trách cung tiêu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

Biểu 7:

Xí nghiệp Toyota Hải Phòng
 274 Lạch Tray- Q.Ngô Quyền-HP
 Điện thoại: 031 3854 560 Fax: 031 38470392
 MST: 0200 581023 001



Dịch vụ hoàn hảo

LỆNH XUẤT VẬT TƯ

Số phiếu: S31010101412

Ngày tạo: 11/07/2010

Bản tổng hợp(1)

Biển số : 31F-1943

Cố vấn dịch vụ: Nguyễn Công Dũng

Loại sửa chữa: Sửa chữa chung

Họ và tên KH: Cty TNHH TM
 Hoàng Sơn

Kiểu xe:	FORTUNER	Mã kiểu xe:	
Số khung:	4010024	Số máy:	
Số Km:	16000KM	Mã màu:	(8K0) Xanh
Ngày giao xe:			

STT	Mã PT/VT	Tên PT/ VT	SL	ĐV
1.	0444535110	Trần xe	01	Chiếc
2.	0446512592	Túi khí sườn xe bên lái	01	Chiếc

CỐ VẤN DỊCH VỤ

QUẢN ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ

Biểu 8:

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 7 năm 2010

Số : 1412

Cố vấn dịch vụ : Nguyễn Công Dũng

BIÊN SỐ XE

31F-1943

Số lệnh sửa chữa: S31010101412

Xuất tại kho: Bộ phận phụ tùng – Toyota Hải Phòng

STT	Mã PT/VT	Tên PT/VT	ĐV	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	0444535110	Trần xe	Chiếc	01	27.510.000	27.510.000
2	0446512592	Túi khí sườn xe bên lái	Chiếc	01	14.210.000	14.210.000
3						
4						
5						
Cộng						41.720.000

Nhân viên phòng phụ tùng

Người nhận

Biểu 9:

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			ES/2010B		
Liên 2:(Giao khách hàng)			0016445		
Ngày 28 tháng 07 năm 2010					
Đơn vị bán hàng : CTY CP Ô TÔ ASC.....					
Địa chỉ:425 – Trần Khát Trân – P.Thanh Nhân – HBT – Hà Nội.....					
Tài khoản :.....					
Điện thoại: 04 6227007		MS:	0 1	0 1 8 1 5 0 3	0
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Xí nghiệp Toyota Hải Phòng.....					
Địa chỉ : Số 274- Lạch Tray - Ngô Quyền- Hải Phòng.....					
Số tài khoản.....					
Hình thức thanh toán:CK		MS:	0 2	0 0 5 8 1 0 2	3
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1.	Sơn lót 2KLE 2004	Lít	24	355.350	8.048.400
2.	Chất kích hoạt 256S	Lít	12	448.970	5.387.640
3.	Vecni sơn nền XB 165	Lít	04	443.270	1.773.080
4.	Dung dịch tẩy rửa phanh 08880	Bình	12	97.000	1.164.000
Cộng tiền hàng:					16.373.120
Thuế suất thuế GTGT:....10%... Tiền thuế GTGT:					1.637.312
Tổng cộng tiền thanh toán:					18.010.432
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn tám trăm hai mươi đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu 10:

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 28 tháng 7 năm 2010

Số : 1263

Họ tên người giao hàng: **CTY CP Ô TÔ ASC**

SỐ ĐƠN HÀNG

Số: ...

Theo hóa đơn số: **HĐGTGT 16445**

B 61574

Nợ: ...

Có: ...

Nhập tại kho: **Phòng Vật tư – Toyota Hải Phòng**

STT	Mã PT/VT	Tên PT/VT	ĐV	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1.	0461256335	Sơn lót 2KLE 2004	Lít	24	335.350	8.048.400
2.	0462351698	Chất kích hoạt 256S	Lít	12	448.970	5.387.640
3.	0465698793	Vecni sơn nền XB 165	Lít	04	443.270	1.773.080
4.	0465897821	Dung dịch tẩy rửa phanh 08880	Bình	12	97.000	1.164.000
Tổng						18.146.200

Phụ trách cung tiêu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

Biểu 11:

Xí nghiệp Toyota Hải Phòng
 274 Lạch Tray- Q.Ngô Quyền-HP
 Điện thoại: 031 3854 560 Fax: 031 38470392
 MST: 0200 581023 001



Dịch vụ hoàn hảo

LỆNH XUẤT VẬT TƯ

Số phiếu: S31010101764

Ngày tạo: 30/07/2010

Bản tổng hợp(1)

Biển số : 16M-9509

Cố vấn dịch vụ: Nguyễn Công Dũng

Loại sửa chữa: Sửa chữa chung

Họ và tên KH: Cty TNHH TM
 Hoàng Sơn

Kiểu xe:	OTHER	Mã kiểu xe:	KD212L- JEMDYU
Số khung:	9002960	Số máy:	
Số Km:	91000KM	Mã màu:	(6Q7)
Ngày giao xe:			

STT	Mã PT/VT	Tên PT/ VT	SL	ĐV
1.	0461256335	Sơn lót 2KLE 2004	10	Lít
2.	0465698793	Vecni sơn nền 165	02	Lít
3.	0465897821	Dung dịch tẩy rửa phanh 08880	01	Bình

CỐ VẤN DỊCH VỤ

QUẢN ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ

Biểu 12:

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

Số: 1764

Cố vấn dịch vụ : Nguyễn Công Dũng

BIỂN SỐ XE

16M-9509

Số lệnh sửa chữa: S31010101764

Xuất tại kho: Bộ phận phụ tùng – Toyota Hải Phòng

STT	Mã PT/VT	Tên PT/VT	ĐV	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	0461256335	Sơn lót 2KLE2004	Lít	10	335.350	3.353.500
2	0465698793	Vecni sơn nền XB165	Lít	02	443.270	886.540
3	0465897821	Dung dịch tẩy rửa phanh 08880	Bình	01	97.000	97.000
Cộng						4.337.040

Nhân viên phòng phụ tùng

Người nhận

Biểu 13:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
274 – Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH – THẺ KHO

Từ ngày 01/7/2010 đến ngày 31/7/2010

- Tên vật tư : **Đầu máy SG**
- Đơn vị tính : **Lít**
- Mã số : **0888082700**

Số TT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày Nhập, Xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Tồn đầu tháng 7				60	
1	01/07	862		Công ty ô tô Toyota Việt Nam	01/07	240		300	
2	03/07		1034	Xe 8956	03/07		6	294	
				
				Cộng cuối kỳ	x				x

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 14:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
274 – Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH – THẺ KHO

Từ ngày 01/7/2010 đến ngày 31/7/2010

- Tên vật tư : **Trần xe**
- Đơn vị tính : **Chiếc**
- Mã số : **0444535110**

Số TT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày Nhập, Xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Tồn đầu tháng 7				02	
				
05	10/7	983		Công ty CP ô tô Trục tuyến VN	10/7	01		01	
06	11/7		1412	Xe 31F - 1943	11/7		01	0	
								
				Cộng cuối kỳ	x				x

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 15:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
 274 – Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH – THẺ KHO

Từ ngày 01/7/2010 đến ngày 31/7/2010

- Tên vật tư : **Son lót 2KLE2004**
- Đơn vị tính : **Lít**
- Mã số : **0461256335**

Số TT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày Nhập, Xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Tồn đầu tháng 7				10	
				
20	28/7	1263		Công ty CP ô tô ASC	28/7	24		24	
21	30/7		1764	Xe 16M - 9509	30/7		10	14	
								
				Cộng cuối kỳ	x				x

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 16:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
274 – Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S10 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH - SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Từ ngày 01/7/2010 đến ngày 31/7/2010

Tài khoản: 152.3

Tên, quy cách nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Nhiên liệu

Đơn vị tính: Lít

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
		Tồn đầu kỳ								76.000.000	
PN862	01/7	Dầu máy SG	331	58.900	240	14.136.000				90.136.000	
		Dầu máy SM	331	57.500	2000	115.000.000				205.136.000	
PX 1034	03/07	Xuất dầu máy SG cho xe 8956	621	58.900			6	353.400		204.782.600	
		
		
		Cộng				774.816.000		830.464.000		20.352.000	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 17:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
274 – Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S10 – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH - SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ(SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Từ ngày 01/7/2010 đến ngày 31/7/2010

Tài khoản: 152.4

Tên, quy cách nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Phụ tùng thay thế

Đơn vị tính: Chiếc

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
		Tồn đầu kỳ								150.756.300	
		
PN983	10/3	Thước lái	112	20.947.000	01	20.947.000					
		Tapbi cửa trước	112	13.532.000	01	13.532.000					
		Kính cửa trước	112	8.363.000	01	8.363.000					
		Trần xe	112	27.510.000	01	27.510.000					
		Túi khí sườn bên lái	112	14.210.000	01	14.210.000					
		
		

		
PX 1412	11/3	Trần xe	621				01	27.510.000			
		Túi khí sườn bên lái	621				01	14.210.000			
		
		Cộng						1.645.890.000		1.315.932.000	480.714.300

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 18:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
274 – Lạc Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S10 – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH - SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ(SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Từ ngày 01/7/2010 đến ngày 31/7/2010

Tài khoản: 152.2

Tên, quy cách nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Vật liệu phụ

Đơn vị tính: Lít, bình...

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
		Tồn đầu kỳ								63.500.000	
...	
...	
PN1263	28/7	Sơn lót 2KLE2004	331	335.350	24	8.048.400					
		Chất kích hoạt 256S	331	448.970	12	5.387.640					
		Vecni sơn nền XB165	331	443.270	04	1.773.080					
		Dung dịch tẩy rửa	331	97.000	12	1.164.000					

		phanh 08880									
	
PX 1764	30/7	Sơn lót 2KLE2004	621	335.350			10	3.353.500			
		Vecni sơn nền XB165	621	443.270			02	886.540			
		Dung dịch tẩy rửa phanh 08880	621	97.000			01	97.000			
	
		Cộng					564.235.600	594.369.000			33.366.600

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 19:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
274 – Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S11 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản: 152
Tháng 7 năm 2010

STT	Tên vật tư	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1.	Nhiên liệu	76.000.000	774.816.000	830.464.000	20.352.000
2.	Phụ tùng thay thế	150.756.300	1.645.890.000	1.315.932.000	480.714.300
3.	Vật liệu phụ	63.500.000	564.235.600	594.369.000	35.366.600
	Cộng	290.256.300	2.984.941.600	2.740.765.000	536.432.900

2.2.3 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty:

Căn cứ vào tình hình thực tế nguyên vật liệu, Công ty đang áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu.

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng:

Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, Hóa đơn GTGT...

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng:

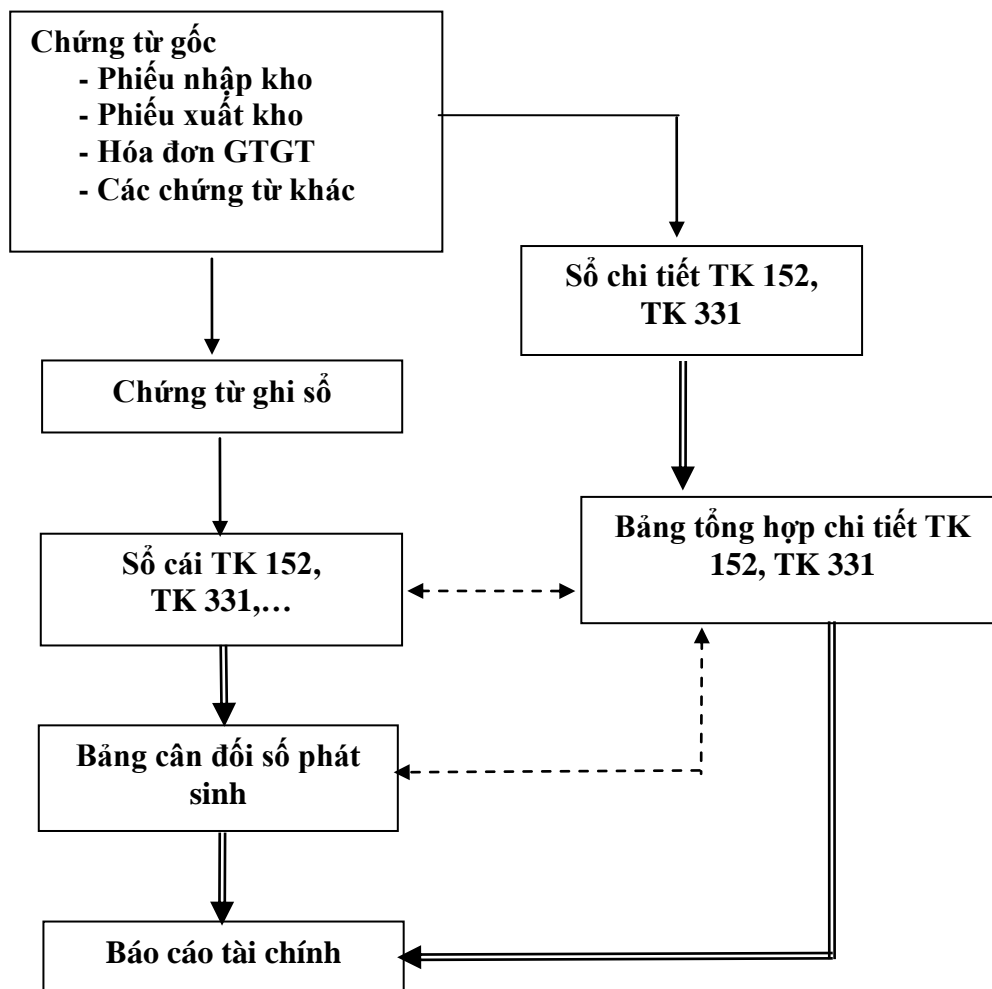
Để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, Công ty sử dụng tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”.

TK 331: Phải trả người bán.

Bên cạnh đó Công ty còn sử dụng các tài khoản có liên quan để hạch toán: TK111, TK112, TK141, TK621...

2.2.3.3 Quy trình hạch toán:

Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.....->

Ví dụ: Hàng ngày căn cứ vào các HĐGTGT, phiếu nhập, phiếu xuất kho (Ví dụ 1,2,3 trong mục 2.2.2.2) kế toán vào các chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết TK 152, TK 331.

- Cuối tháng căn cứ vào số liệu ở các chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ cái TK 152, TK 331, bảng tổng hợp chi tiết TK 152, TK 331.

Biểu 20:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng

Mẫu số S31- DN

TRÍCH SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

TK: 331- TVN

Đối tượng: Công ty Ô tô Toyota Việt Nam

Tháng 7 năm 2010

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						65.126.324
			PS trong kỳ						
01/7	HĐGTGT 001720	01/7	Mua phụ tùng, chưa thanh toán	152 133			129.136.000 12.913.600		194.262.324 207.175.924
...
10/7	UNC 312	10/7	Thanh toán tiền mua phụ tùng ngày 1/7 bằng CK	112		142.049.600
...	
			Cộng số phát sinh			2.185.662.449	2.120.536.125		
			Dư cuối kỳ						0

Người ghi sổ	<i>Ngày... tháng ... năm 2010</i> Kế toán trưởng
---------------------	--

Biểu 21:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
Số 274- Lạch Tray- NQ- HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03/07

Ngày 01 tháng 07 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua dầu máy chưa thanh toán.	152	331	129.136.000	
	133	331	12.913.600	
Cộng			142.049.600	

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 22:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
Số 274- Lạch Tray- NQ- HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 08/07

Ngày 03 tháng 07 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất nhiên liệu sửa chữa xe	621	152	353.400	
Cộng			353.400	

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 23:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
Số 274- Lạch Tray- NQ- HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 15/07

Ngày 10 tháng 07 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua phụ tùng thay thế đã thanh toán bằng chuyển khoản	152	112	84.562.000	
	133	112	8.456.200	
Cộng			93.018.200	

Ngày...tháng...năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 24:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
Số 274- Lạch Tray- NQ- HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 19/07

Ngày 11 tháng 07 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất phụ tùng sửa chữa xe	621	152	41.720.000	
Cộng			41.720.000	

Ngày...tháng...năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 25:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
Số 274- Lạch Tray- NQ- HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 34/07

Ngày 28 tháng 07 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua vật liệu phụ chưa thanh toán	152	331	16.343.120	
	133	331	1.637.312	
Cộng			18.010.432	

Ngày ... tháng... năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 26:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
Số 274- Lạch Tray- NQ- HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 37/07

Ngày 30 tháng 07 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất phụ tùng sửa chữa xe	621	152	4.337.040	
Cộng			4.337.040	

Ngày...tháng...năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 27:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
Số 274- Lạch Tray- NQ- HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH - SỔ CÁI

Tháng 7 năm 2010

Tên tài khoản: Nguyên liệu, vật liệu

Số hiệu: 152

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ		290.256.300	
			-Phát sinh trong kỳ			
					
31/07	03/07	01/07	Mua dầu máy chưa thanh toán	331	129.136.000	
					
31/07	15/07	10/07	Mua phụ tùng thay thế đã thanh toán bằng CK	112	84.562.000	
					
31/07	34/07	28/07	Mua vật liệu phụ chưa thanh toán	331	16.343.120	
					
31/07	08/07	03/07	Xuất nhiên liệu	621		353.400
					
31/07	19/07	11/07	Xuất phụ tùng	621		41.720.000
					
31/07	37/07	30/07	Xuất VL phụ	621		4.337.040
					
			- Cộng phát sinh		2.984.941.600	2.740.765.000
			- Số dư cuối kỳ		536.432.900	

Ngàytháng.....năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty

Định kỳ vào ngày 02 tháng 01 hàng năm, Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng tiến hành kiểm kê hàng tồn kho và các tài sản khác.

Mục đích của việc kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho là để xác định số lượng, chất lượng, trị giá nguyên vật liệu còn tồn kho; từ đó phát hiện số chênh lệch giữa sổ sách với thực tế để có biện pháp bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu cũng như tài sản của doanh nghiệp.

Trước mỗi lần tiến hành kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để thuận tiện cho công tác kiểm kê, đồng thời các sổ sách nguyên vật liệu tại phòng kế toán cũng phải khóa sổ để thuận tiện cho công tác đối chiếu.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm..., xác định số nguyên vật liệu còn trong kho so với sổ sách, Hội đồng kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào kết quả kiểm kê, Giám đốc công ty cùng với ban lãnh đạo và hội đồng kiểm kê sẽ đưa ra những quyết định hợp lý trong công tác nguyên vật liệu tại Công ty.

Hiện nay công tác tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty luôn đạt hiệu quả cao, không xảy ra tình trạng mất mát, hao hụt.

Ví dụ: Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 02/01/2009, Hội đồng kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật tư tại kho của Công ty (Biểu 28).

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ HẢI PHÒNG
Số 274- Lạch Tray- NQ- HP

Mẫu số 05- VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

- Thời điểm kiểm kê: 07 giờ 30 ngày 02 tháng 01 năm 2011

- Ban kiểm kê gồm:

Ông : Nguyễn Văn Hưng

Chức vụ: Phụ trách phòng KH – VT

Đại diện bộ phận vật tư- Trưởng

ban

Bà: Nguyễn Phương Thảo

Chức vụ: Cán bộ tiếp liệu

Đại diện bộ phận vật tư - Ủy viên

Bà: Nguyễn Thị Duyên

Chức vụ: Thủ kho

Đại diện bộ phận vật tư - Ủy viên

Bà: Mai Thị Hằng

Chức vụ: Kế toán NVL

Đại diện bộ phận vật tư - Ủy viên

- Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Lọc dầu	0411116241	Chiếc	240.217	10	2.402.170	10	2.402.170					x		
2	Vòng bi	0415231090	Chiếc	648.700	12	7.784.400	12	7.784.400					x		
3	Má phanh	0437160060	Chiếc	1.431.700	15	21.475.500	15	21.475.500					x		
4	Lọc gió	0444535110	Chiếc	422.300	8	3.378.400	8	3.378.400					x		
5	Bugì	0446512240	Chiếc	216.500	20	4.330.000	20	4.330.000					x		
														

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ kho

Ngày ... tháng ... năm ...

Trưởng ban kiểm kê

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY

3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty và phương hướng hoàn thiện:

Công tác hạch toán nguyên vật liệu có thể nói đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cả phương diện trực tiếp và gián tiếp. Yếu tố nguyên vật liệu tại Công ty chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong toàn bộ chi phí, do vậy tổ chức tốt công tác hạch toán và quản lý nguyên vật liệu sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh.

Do xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty là sửa chữa các loại ô tô nên việc cung ứng nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm là không thể thiếu được. Hơn nữa nguyên vật liệu phục vụ cho việc sửa chữa rất đa dạng và phong phú về chủng loại nên việc quản lý nguyên vật liệu rất phức tạp vì vậy yêu cầu hoàn thiện công tác hạch toán trong đó có kế toán nguyên vật liệu là một tất yếu nhằm giúp cho công tác quản lý ngày càng có hiệu quả hơn.

Qua thời gian thực tập, nghiên cứu tìm hiểu về công tác hạch toán kế toán, đặc biệt là kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần ô tô Hải Phòng, với kiến thức còn hạn chế của mình, em xin có một vài nhận xét như sau:

3.1.1. Ưu điểm

Các phòng ban phân xưởng trong Công ty phối hợp chặt chẽ với phòng kế toán, đảm bảo công tác hạch toán nói chung và công tác hạch toán nguyên vật liệu nói riêng tiến hành trôi chảy nhịp nhàng, góp phần quản lý tốt nguyên vật liệu, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

* *Phòng vật tư*: là nơi trực tiếp tổ chức việc thu mua nguyên vật liệu nhập kho đã có nhiều cố gắng. Quan hệ mua bán với nhà cung cấp nguyên vật liệu mang tính

chất ổn định, lâu dài, đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời, có chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật cao.

+ Việc quản lý các chứng từ, hóa đơn thu mua hợp lý, thuận tiện.

+ Công tác bảo quản nguyên vật liệu được sắp xếp khá hệ thống và hợp lý, dễ thấy, dễ lấy.

+ Hầu hết nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty là dễ bảo quản, ít hao hụt, một số loại nguyên vật liệu dễ bị hao hụt thì lượng cung cấp cho sản xuất đều được mua kịp thời cung ứng luôn cho sản xuất nên lượng dự trữ thường xuyên trong kho thấp.

** Về tổ chức bộ máy kế toán*

Cơ cấu bộ máy kế toán ở Công ty tinh giảm, gọn nhẹ, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, giàu kinh nghiệm. Cán bộ kế toán nhiệt tình, yêu nghề, tiếp thu kịp thời với chế độ kế toán mới và vận dụng linh hoạt, tác phong làm việc khoa học, có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong công việc. Công tác kế toán được chuyên môn hóa từng phần hành khuyến khích được nhân viên phát huy hết năng lực và trách nhiệm của mình trong công việc.

Việc theo dõi hạch toán nguyên vật liệu chính xác, kịp thời phản ánh đầy đủ tình hình nhập- xuất- tồn kho nguyên vật liệu về mặt số lượng, giá trị của từng nhóm, từng loại nguyên vật liệu.

** Về hệ thống sổ kế toán.*

Công ty sử dụng hệ thống sổ kế toán Chứng từ ghi sổ theo hệ thống tài khoản thống nhất, hình thức phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị

tính toán cũng như yêu cầu quản lý của Công ty. Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ lấy. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán.

** Về việc quản lý và hạch toán nguyên vật liệu.*

+ Ở khâu sử dụng:

Mọi nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu đều được đưa qua phòng vật tư để xem xét tính hợp lý, hợp lệ của các nhu cầu sản xuất nhằm tránh tình trạng lãng phí và quản lý tốt nguyên vật liệu trong khâu sản xuất.

+ Thủ tục nhập xuất nguyên vật liệu:

Công ty thực hiện đầy đủ thủ tục nhập, xuất kho. Phòng kế toán và thủ kho kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả trong công tác luân chuyển chứng từ để đảm bảo việc nhập, xuất ghi chép phản ánh đầy đủ yếu tố trên các chứng từ theo trình tự hợp lý.

+ Về mặt phân loại nguyên vật liệu:

Công ty đã dựa vào vai trò và công dụng của nguyên vật liệu để phân thành 4 loại: nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu và phụ tùng thay thế. Công ty xây dựng được sổ danh điểm vật liệu nên công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được thuận lợi và quản lý được nguyên vật liệu.

+ Việc tổ chức, kiểm tra chất lượng vật liệu

Nguyên vật liệu khi về tới Công ty không được nhập kho luôn mà phải qua sự kiểm tra chất lượng của phòng KCS, phòng KSC chịu trách nhiệm kiểm nghiệm về mặt số lượng, chất lượng thông số kỹ thuật, chủng loại quy cách. Nếu kiểm tra thấy chất lượng không đảm bảo sẽ yêu cầu nhân viên cung ứng đổi lại. Sau khi kiểm tra xong lập biên bản kiểm nghiệm vật tư và đóng dấu vào hóa đơn mua hàng. Vì thế chất lượng của vật tư luôn được bảo đảm, từ đó khi đem vào sử dụng sẽ tránh được

vật tư hư hỏng gây gián đoạn trong quá trình sản xuất, đảm bảo chất lượng đầu ra và nhằm giảm chi phí giá thành.

Trong công tác hạch toán nói chung và công tác hạch toán nguyên vật liệu nói riêng ở Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng là tính hiệu quả và chính xác cùng sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban có liên quan. Thể hiện ở chỗ:

Trước hết trong phân công lao động kế toán với khối lượng công việc nhiều, kế toán nguyên vật liệu(hạch toán tình hình biến động nguyên vật liệu nhiều loại) được thực hiện bởi một số ít lao động kế toán. Đồng thời do nỗ lực của kế toán cũng như sự phối hợp chặt chẽ của các phòng ban liên quan trong quá trình kiểm tra đối chiếu số liệu, kế toán luôn phản ánh được tính kịp thời, chính xác cho nên có thể nói việc tổ chức chứng từ ban đầu cùng quá trình hạch toán chi tiết rất cụ thể giúp cho hoạt động quản lý cũng như hạch toán tổng hợp đạt kết quả. Kế toán nguyên vật liệu ở Công ty rất khoa học và đáp ứng yêu cầu hạch toán, đảm bảo hàng quý nộp báo cáo quyết toán cho cấp trên.

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm trên còn một số nhược điểm nhất định trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu cần được khắc phục để hoàn thiện hơn nữa trong công tác hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty.

3.1.2. Nhược điểm

Thứ nhất là việc luân chuyển chứng từ.

Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng kế hoạch vật tư, thủ kho, phòng kế toán diễn ra thường xuyên. Tuy nhiên giữa các bộ phận, phòng ban này không có biên bản giao nhận, rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi bị mất chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên ngại việc quản lý chứng từ.

Thứ hai là việc dự phòng nguyên vật liệu.

Đặc điểm sản phẩm của Công ty là khai thác vận dụng sửa chữa được nhiều xe cho nên kết quả sản xuất là làm thế nào để phục vụ khách hàng có hiệu quả cao, thu hút được nhiều khách hàng đến sửa chữa. Do vậy Công ty luôn phải có nguyên vật liệu dự trữ để kịp thời sửa chữa ngay cho khách hàng. Bên cạnh đó không loại trừ sự biến động giá của một số nguyên vật liệu trên thị trường.

Theo nguyên tắc thận trọng trong kế toán là hợp lý và cần thiết do vậy Công ty cần có kế hoạch lập dự phòng để tránh rủi ro, tổn thất.

Thứ ba là về công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu:

+Do Công ty chỉ có một kho để lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu nên chưa xây dựng được hệ thống kho đủ tiêu chuẩn để sắp xếp riêng biệt các loại nguyên vật liệu.

+Công ty vẫn chưa xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu thường dùng để đảm bảo cho hoạt động sửa chữa không bị ngừng trệ.

Thứ tư là việc không sử dụng TK 151 – Hàng mua đang đi đường.

Hiện nay Công ty sử dụng TK152 để phản ánh cho tất cả các nguyên vật liệu, nên cần mở thêm TK151 “Hàng mua đang đi đường” để theo dõi các nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của Công ty nhưng chưa về đến Công ty hoặc đã về nhưng chờ nhập kho.

Thứ năm là chưa đưa phần mềm kế toán vào sử dụng.

Kế toán làm trên máy nhưng không sử dụng phần mềm kế toán, mất khá nhiều thời gian, đôi khi có sự sai lệch, nhầm lẫn về số liệu.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu.

Để tồn tại, đứng vững và phát triển trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, đưa Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng ngày càng phát triển đi lên đòi hỏi các nhà quản lý phải không ngừng đi sâu vào tìm hiểu, phát huy những điểm mạnh của doanh nghiệp và khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

Chỉ có dựa trên những thông tin trung thực, chính xác của kế toán mới giúp cho các nhà quản trị có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, hữu hiệu nhất. Do đó việc nghiên cứu đi sâu vào tìm hiểu để hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng cần phải tuân thủ những yêu cầu sau:

-Hoàn thiện công tác kế toán trước hết phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.

-Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của Nhà nước.

-Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin về kế toán đưa ra phải chính xác, kịp thời, phù hợp yêu cầu; giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu. Đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

-Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nhưng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp (đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ của các kế toán viên, tình hình tài chính hiện tại của doanh nghiệp...) phải đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

Qua quá trình thực tập tại Công ty, tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của Công ty cũng như tổ chức công tác kế toán, em có một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty như sau:

Ý kiến 1: Lập biên bản giao nhận chứng từ

Công ty nên lập biên bản giao nhận chứng từ giữa thủ kho và kế toán nguyên vật liệu để đảm bảo cho khâu luân chuyển chứng từ được chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ, số liệu chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định.

Mẫu biên bản như sau:

Biểu 3.1:

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tại ngày...đến ngày...

Tại kho.....

STT	Chứng từ		Nội dung chứng từ	Nơi nhận chứng từ	Người nhận	Ký tên
	Ngày	Số				

Ví dụ 1: Về tình hình nhập – xuất nguyên vật liệu trong tháng 7 năm 2010 tại kho của Công ty ở mục 2.2.2 như sau:

Khi nhập- xuất kho nguyên vật liệu thủ kho tiến hành viết phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, đồng thời chuyển cho phòng kế toán khi giao các chứng từ này cho kế toán nguyên vật liệu, kế toán viên phải ký vào biên bản giao nhận chứng từ theo biểu 3.2.

Biểu 3.2

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tại ngày 01/7 đến ngày 31/7

Tại kho : Vật tư

STT	Chứng từ		Nội dung chứng từ	Nơi nhận chứng từ	Người nhận	Ký tên
	Ngày	Số				
01	01/7	PN 862	Nhập dầu máy SG, SM	Phòng TC- KT	Nguyễn Thị Lan	
...	
05	03/7	PX 1034	Xuất dầu máy SG	Phòng TC- KT	Nguyễn Thị Lan	
...	
18	10/7	PN 983	Nhập phụ tùng thay thế	Phòng TC - KT	Nguyễn Thị Lan	
...	
23	11/7	PX 1412	Xuất phụ tùng thay thế	Phòng TC - KT	Nguyễn Thị Lan	
...	
61	28/7	PN 1263	Nhập vật liệu phụ	Phòng TC - KT	Nguyễn Thị Lan	
...	
66	30/7	PX 1764	Xuất vật liệu phụ	Phòng TC- KT	Nguyễn Thị Lan	
...	

Ý kiến 2: Lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu.

Đặc điểm sản phẩm của Công ty là sửa chữa, đóng mới xe ô tô du lịch, xe con... do vậy nguyên vật liệu của Công ty khi sửa chữa thay thế phải đảm bảo đúng chủng loại, mẫu mã, kích thước, có thiết bị kỹ thuật tiên tiến để không gây ảnh hưởng đến thời gian sử dụng cũng như có sự cố kỹ thuật xảy ra bất thường. Ngoài bán hàng cung cấp nguyên vật liệu thường xuyên, Công ty cũng cần phải dự trữ một số lượng nguyên vật liệu nhất định là các loại phụ tùng sửa chữa đơn chiếc để khi khách hàng cần sử dụng là đáp ứng được yêu cầu về thời gian, đồng thời tránh được sự biến động về giá cả. Công ty nên lập khoản dự phòng để tránh rủi ro, tổn thất.

Việc lập dự phòng sẽ giúp cho doanh nghiệp điều hòa thu nhập, hạn chế được các thiệt hại rủi ro do các tác nhân khách quan đem lại, đồng thời hoàn một phần thuế phải nộp và chủ động hơn về tài chính.

Các nguyên tắc để lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu:

- Chỉ lập dự phòng giảm giá đối với những nguyên vật liệu mà giá thị trường hiện tại thấp hơn giá gốc.

- Lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu được xác định một lần vào cuối niên độ kế toán trên cơ sở kết quả kiểm kê nguyên vật liệu và đối chiếu giá trên sổ kế toán với giá thị trường của nguyên vật liệu đó.

- Việc trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu không được vượt qua số lợi nhuận thực tế phát sinh của Công ty sau khi đã hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích từ năm trước.

- Trước khi lập dự phòng, Công ty phải lập Hội đồng thẩm định mức độ giảm giá nguyên vật liệu.

* Công thức trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu:

$$\text{Mức dự phòng cần lập cho VLA} = \text{Số lượng VLA} \times \text{Mức chênh lệch trên sổ kế toán với giá thị trường VLA}$$

Ta có bảng sau theo dõi dự phòng giảm giá nguyên vật liệu như sau:

Biểu 3.4: BẢNG THEO DÕI DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm 2010

Nhóm	Danh điểm	Tên VL	Giá HT	Giá TT	Chênh lệch	Số lượng	Mức dự phòng
...
	Cộng						XX

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm kế toán ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi:

Nợ TK 159 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán(chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Ý kiến 3: Hoàn thiện về công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu

* Để bảo quản tốt nguyên vật liệu, giảm thiểu những hư hỏng mất mát, Công ty phải xây dựng hệ thống kho đủ tiêu chuẩn; đồng thời phải sắp xếp, bảo quản riêng theo từng nhóm nguyên vật liệu.

Ví dụ:

+Nhóm nguyên vật liệu như: tôn, sắt, thép, que hàn... phải để ở chỗ khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ; phải có hệ thống bạt phủ kín, che đậy.

+Nhóm nhiên liệu như: dầu nhớt, dầu nhờn...phải để ở những nơi bảo quản riêng biệt, chống cháy nổ.

* Xây dựng định mức dự trữ: Để quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, công tác thu mua dự trữ nguyên liệu, vật liệu không bị động cũng như tình trạng tồn kho gây nhiều ứ đọng vốn, khó khăn về kinh tế thì Công ty nên xây dựng định mức dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu, tránh việc dự trữ quá nhiều hay quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó.

Việc xây dựng này căn cứ trên kế hoạch, định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu cũng như tình hình, khả năng của Công ty.

+Định mức giá cho một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp phản ánh giá cuối cùng của một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp sau khi đã trừ đi mọi khoản chiết khấu:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức giá} \\ \text{của một đơn vị} \\ \text{NVL} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{đơn vị} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{chuyên} \\ \text{chở} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí nhập} \\ \text{kho, bốc xếp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết} \\ \text{khấu} \\ \text{(Nếu có)} \end{array}$$

+Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp cho một đơn vị sản phẩm phản ánh số lượng nguyên vật liệu tiêu hao cho một đơn vị thành phẩm, có cho phép những hao hụt bình thường:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức lượng} \\ \text{NVL trực tiếp cho} \\ \text{một đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng NVL cần} \\ \text{thiết để sản xuất} \\ \text{một đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức hao} \\ \text{hụt cho} \\ \text{phép} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức NVL cho} \\ \text{sản phẩm hỏng} \\ \text{(cho phép)} \end{array}$$

Từ đó định mức chi phí nguyên vật liệu của một đơn vị sản phẩm được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí} \\ \text{một đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức giá} \\ \text{một đơn vị NVL} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{lượng} \\ \text{NVL} \end{array}$$

Giá tiêu chuẩn về nguyên vật liệu thường được xác định bởi nhân viên phòng kế hoạch vật tư. Nhân viên cung ứng thường tập hợp giá nguyên vật liệu của các

nhà cung cấp khác nhau, để từ đó chọn một nhà cung cấp có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng nguyên vật liệu cũng như giá cả phù hợp.

Lượng tiêu chuẩn về nguyên vật liệu trực tiếp thường được xác định bởi các kỹ sư và giám đốc sản xuất, căn cứ trên tình hình sử dụng thực tế.

Định mức dự trữ sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu vừa đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng cũng như nắm bắt kịp thời các cơ hội trong kinh doanh. Ngoài ra vấn đề nguyên vật liệu sẽ ít bị ứ đọng, số vốn đó có thể quay vòng cho các loại nguyên vật liệu khác hoặc cho các hoạt động tài chính, đồng thời sử dụng tiết kiệm vốn.

Ý kiến 4: Hoàn thiện về công tác hạch toán nguyên vật liệu ở Công ty.

Công ty nên mở thêm tài khoản 151(theo dõi hàng mua đang đi đường) bên cạnh tài khoản 152 (theo dõi nguyên vật liệu) để theo dõi nguyên vật liệu từ quá trình thu mua đến quá trình nhập kho.

Theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Mở TK 151 “Hàng mua đang đi đường”

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu mua ngoài đã được quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng còn đang trên đường vận chuyển, ở bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ nhập kho.

Khi hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

- Hàng hóa, vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa nhập kho bao gồm:

+Hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán nhưng còn để ở kho người bán, ở bến bãi nhưng đang trên đường vận chuyển.

+Hàng hóa, vật tư đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

- Kế toán hàng mua đang đi đường được ghi nhận trên TK151 theo nguyên tắc giá gốc được quy định trong chuẩn mực kế toán hiện hành

- Hàng ngày khi nhận được hóa đơn mua hàng nhưng hàng chưa về nhập kho, kế toán chưa ghi sổ mà tiến hành đối chiếu với hợp đồng kinh tế và lưu hóa đơn trong tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường”.

Trong tháng, nếu hàng về nhập kho, kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho và hóa đơn mua hàng ghi sổ trực tiếp vào TK152 “Nguyên liệu, vật liệu”.

Nếu cuối tháng hàng vẫn chưa về thì căn cứ vào hóa đơn mua hàng để ghi vào sổ TK151 “Hàng mua đang đi đường”.

- Kế toán phải mở chi tiết để theo dõi hàng mua đang đi trên đường theo từng chủng loại hàng hóa, vật tư, từng lô hàng.

Ý kiến 6: Về việc áp dụng phần mềm kế toán trong hạch toán.

Là một doanh nghiệp có quy mô tương đối lớn, khối lượng công việc kế toán tương đối nhiều nhưng công ty vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán mà chỉ tính toán trên excel. Điều đó làm số liệu thiếu chính xác, mất nhiều thời gian, các thông tin kế toán không cung cấp kịp thời cho quản lý nói chung và trong hạch toán từng phần hành nói riêng.

Từ những thực tế trên, theo em, Công ty cần lựa chọn một phần mềm kế toán thích hợp với khả năng và trình độ của kế toán viên. Bên cạnh đó, cần đào tạo cho kế toán sử dụng thành thạo phần mềm kế toán này. Có như vậy, năng suất lao động của bộ phận kế toán càng được nâng cao hơn. Thông qua vi tính hóa, khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ về mặt tính toán, tiết kiệm được thời gian ghi chép và tổng hợp số liệu.

3.3 Các biện pháp nhằm tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu.

- Nguyên vật liệu là một yếu tố không thể thiếu được trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho Công ty thì phải quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu.

- Để quá trình sản xuất kinh doanh được liên tục và sử dụng vốn tiết kiệm thì Công ty phải dự trữ nguyên vật liệu ở một mức hợp lý. Do vậy các doanh nghiệp phải xây dựng định mức tồn kho tối đa và tối thiểu cho từng danh điểm nguyên vật liệu. Tránh dự trữ quá nhiều hoặc quá ít một loại nào đó. Định mức tồn kho của nguyên vật liệu còn là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu mua nguyên vật liệu.

- Để bảo quản tốt nguyên vật liệu dự trữ, giảm thiểu hư hao, mất mát nguyên vật liệu Công ty phải xây dựng hệ thống kho tàng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí nhân viên thủ kho có đủ phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý nguyên vật liệu tồn kho và thực hiện các nghiệp vụ nhập, xuất kho.

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quá trình vận động của nguyên vật liệu được sử dụng qua 3 giai đoạn:

- + Giai đoạn cung ứng.
- + Giai đoạn dự trữ và bảo quản trong kho.
- + Giai đoạn xuất kho sử dụng cho các mục đích sản xuất.

Công tác quản lý nguyên vật liệu được thực hiện trong toàn bộ quá trình vận động của chúng, kể cả trước khi giai đoạn xuất kho sử dụng kết thúc. Mục đích là nhằm bảo toàn và sử dụng hiệu quả vốn lưu động dự trữ của Công ty, đảm bảo cung ứng đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất.

- Thực chất công tác hạch toán nguyên vật liệu là dùng đồng tiền làm thước đo giá trị để ghi chép, giám sát và cung cấp thông tin tổng hợp, chi tiết về toàn bộ quá trình luân chuyển nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh. Đi vào cụ thể, công tác hạch toán nguyên vật liệu của Công ty cần có những biện pháp cụ thể:

+ Phải ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời tình hình tồn kho, nhập kho của một chủng loại nguyên vật liệu cả về số lượng và giá trị trong các quá trình vận động của nó ở Công ty. Đây là cơ sở để hình thành hệ thống thông tin chính xác về tình hình luân chuyển nguyên vật liệu trong Công ty.

+ Phải tìm ra các tiêu thức để phân bổ hợp lý giá trị nguyên vật liệu đã sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh.

+ Phải cung cấp kịp thời các thông tin cho Ban quản lý Công ty về tình hình chấp hành định mức tiêu hao nguyên vật liệu và ra quyết định kinh doanh.

+ Tham gia vào công tác kiểm kê kho để phát hiện những nguyên nhân gây thừa, thiếu hoặc giảm phẩm chất của nguyên vật liệu để có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế tối đa các thiệt hại có thể xảy ra.

+ Công tác hạch toán phải được thực hiện tốt từ khâu lập chứng từ, tổ chức và luân chuyển chứng từ, tổ chức sổ sách, kiểm kê, đánh giá nguyên vật liệu tồn kho cho phù hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh.

KẾT LUẬN

Sau một thời gian thực tập tại Công ty Cổ Phần Ô tô Hải Phòng, em thấy công tác hạch toán nguyên vật liệu có ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý nguyên vật liệu nói riêng và quản lý Công ty nói chung. Tổ chức công tác hạch toán nguyên vật liệu tốt chính là công tác đặc lực giúp cho ban lãnh đạo Công ty nắm được tình hình và chỉ đạo cho quá trình sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Do đó công tác hạch toán nguyên vật liệu nói riêng và công tác hạch toán kế toán nói chung phải không ngừng hoàn thiện để phù hợp với nền kinh tế thị trường. Làm tốt công tác này, Công ty sẽ có những định hướng đúng đắn trong sản xuất, đem lại lợi nhuận cho Công ty, góp phần nâng cao đời sống xã hội, làm giàu cho đất nước.

Những kết quả nghiên cứu trong thời gian thực tập đã giúp em củng cố thêm những kiến thức đã học ở trường và có điều kiện vận dụng lý thuyết vào thực tế. Qua đó em thấy rõ hơn tầm quan trọng của công tác hạch toán nguyên vật liệu nói riêng và công tác kế toán nói chung trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên do thời gian thực tập có hạn, kiến thức chưa được sâu rộng, kinh nghiệm thực tiễn còn ít nên báo cáo này của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý của các thầy cô để báo cáo có thêm tính thực tế và hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của các thầy cô trong khoa Kế toán đặc biệt là Tiến sĩ Trần Văn Hợi và sự giúp đỡ cán bộ nhân viên phòng kế toán Công ty Cổ phần Ô tô Hải Phòng đã giúp em hoàn thành báo cáo này.

Hải Phòng ngày... tháng... năm 2011

